

- Chơi trò chơi: Mèo đuổi chuột, chim sỏ lông.

Hát
HS chơi.

3- Phương hướng tuần 15:

- Tiếp tục rèn chữ viết.
- Tập trung ôn thi chuẩn bị thi CKI.
- Khắc phục những khuyết điểm trên.

hoc360.net

TUẦN 15

Thứ hai ngày 10 tháng 12 năm 20...

TẬP ĐỌC HAI ANH EM

Tiết: 43+44

A- Mục đích, yêu cầu:

- Đọc trôi chảy toàn bài. Biết nghỉ hơi hợp lý sau dấu câu giữa các cụm từ dài.
- Biết đọc phân biệt lời kể chuyện với ý nghĩ của 2 nhân vật.
- Hiểu được nghĩa các từ mới. Hiểu ý nghĩa câu chuyện: ca ngợi tình anh em anh em yêu thương lo lắng cho nhau, nhường nhịn nhau.
- HS yếu: Đọc trôi chảy toàn bài. Biết nghỉ hơi hợp lý sau dấu câu giữa các cụm từ dài. Hiểu được nghĩa các từ mới.

B- Các hoạt động dạy học:

Tiết 1

I- Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ: Nhắc tin Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới:

1- Giới thiệu bài: Những câu chuyện về tình anh, em không chỉ có ở nước ta (câu chuyện bó đũa, tiếng võng kêu) mà có ở tất cả các nước. Hôm nay, các em sẽ đọc truyện “Hai anh em” - Một truyện cảm động của nước ngoài.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.
- HDHS đọc từng câu.
- Luyện đọc từ khó: lầy lú, rất đỗi, vất vả, ngạc nhiên...
- Hướng dẫn cách đọc.
- Gọi HS đọc từng đoạn.
- Rút từ mới → giải nghĩa: công bằng, kì lạ.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn.

- Thi đọc giữa các nhóm theo đoạn.
- Hướng dẫn đọc toàn bài.

TIẾT 2

3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:

- + Lúc đầu 2 anh em chia lúa ntn?
- + Người em nghĩ gì và làm gì?
- + Người anh nghĩ gì và làm gì?
- + Mỗi người cho thế nào là công bằng?
- + Hãy nói một câu về tình cảm của hai anh em?

HD đọc + Trả lời câu hỏi (2HS)

Theo dõi.
Đọc nối tiếp.
CN+ĐT.
Đọc nối tiếp.

Đọc theo nhóm (gọi HS yếu đọc nhiều).
Cá nhân.
Đồng thanh.

Chia thành 2 đồng lúa bằng nhau.
Anh mình còn phải nuôi con

4- Thi đọc lại:

GV hướng dẫn HS thi đọc lại truyện

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dẫn dò:

- Anh, chị, em trong nhà phải biết sống ntn với nhau?
- Về nhà đọc lại bài, tập trả lời câu hỏi – Nhận xét

TOÁN. Tiết: 71 100 TRỪ ĐI MỘT SỐ

Lấy lúa của mình
bỏ vào phần của
anh.

A- Mục tiêu:

- Giúp HS vận dụng các kiến thức và kỹ năng thực hiện phép trừ có nhớ để tự tìm được cách thực hiện phép trừ dạng: 100 trừ đi một số có một chữ số hoặc có 2 chữ số.

- Thực hành phép trừ dạng “100 trừ đi một số”.

- HS yếu: HS thực hiện được phép trừ dạng 100 trừ đi một số.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: cho HS làm

$$x + 8 = 41$$

$$x = 41 - 8$$

$$x = 33$$

$$x - 25 = 25$$

$$x = 25 + 25$$

$$x = 50$$

- BT 4/72.

Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

2- GV hướng dẫn HS tự tìm cách thực hiện phép trừ dạng 100 – 36 và 100 – 5:

a) Dạng 100 – 36:

GV nêu phép trừ và ghi 100 – 36.

Hướng dẫn HS nêu cách đặt tính, tính:

100	0 không trừ được 6, lấy 10 trừ 6 bằng 4, viết 4 nhớ 1.
36	3 thêm 1 bằng 4, 0 không trừ được 4, lấy 10 trừ 4 bằng 6, viết 6 nhớ 1.
64	1 trừ 1 bằng 0.

b) Dạng 100 – 5:

GV nêu phép trừ và ghi 100 – 5

Hướng dẫn HS nêu cách tính, tính

100	0 không trừ được 5, lấy 10 trừ 5 bằng 5, viết 5 nhớ 1.
5	0 không trừ được 1, lấy 10 trừ 1 bằng 9, viết 9 nhớ 1.
95	1 trừ 1 bằng 0.

Làm bảng (3
HS).

3- Thực hành:

- BT 1/73: Hướng dẫn HS làm.

100	100	100	100
3	8	54	77
97	92	46	23

- BT 2/73: Hướng dẫn HS làm.

$$100 - 60 =$$

$$10 \text{ chục} - 6 \text{ chục} = 4 \text{ chục}$$

$$100 - 60 = 40$$

$$100 - 90 =$$

$$10 \text{ chục} - 9 \text{ chục} = 1 \text{ chục}$$

$$100 - 90 = 10, \dots$$

III- Hoạt động 3: củng cố - Dặn dò

$$100 - 36 = ?$$

$$100 - 5 = ?$$

Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

Bảng con (HS yếu làm). Làm vở. Làm bảng. Nhận xét. Tự chấm.

2 nhóm. ĐĐ làm. Nhận xét. Bổ sung. Tuyên dương.

2 HS trả lời.

Thứ ba ngày 11 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết 72 TÌM SỐ TRỪ

A- Mục tiêu:

- Biết cách tìm số trừ khi biết số bị trừ và hiệu.

- Củng cố cách tìm một thành phần của phép trừ khi biết hai thành phần còn lại.

Vận dụng cách tìm số trừ vào giải toán.

- HS yếu: biết cách tìm một thành phần của phép trừ khi biết hai thành phần còn lại.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: Cho HS làm

100	100	BT 3/73
39	15	
61	85	

Giải bảng (3 HS).

Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết toán hôm nay các em sẽ học bài

“Tìm số trừ” → Ghi.

2- Hướng dẫn HS cách tìm số trừ khi biết số bị trừ và hiệu:

Chẳng hạn: Cho HS quan sát hình vẽ trong bài học rồi nêu: “Có 10 ô vuông, sau khi lấy đi một số ô vuông thì còn lại 6 ô vuông”. Hãy tìm số ô vuông lấy đi?

Gọi HS nêu lại đề toán.

Ta đã biết lấy đi bao nhiêu ô vuông chưa?

Ta gọi số đó là x.

GV ghi bảng: $10 - x = 6$.

Yêu cầu gọi tên các thành phần trong phép tính: $10 - x = 6$.

Muốn tìm số trừ ta làm ntn?

Gọi HS đọc lại nhiều lần.

Hướng dẫn cách trình bày: $10 - x = 6$

$$x = 10 - 6$$

$$x = 4$$

3- Thực hành:

- BT 1/74: Hướng dẫn HS làm.

$$28 - x = 16$$

$$x = 28 - 16$$

$$x = 12$$

$$20 - x = 9$$

$$x = 20 - 9$$

$$x = 11$$

$$x - 14 = 18$$

$$x = 18 + 14$$

$$x = 32$$

$$x + 20 = 36$$

$$x = 36 - 20$$

$$x = 16$$

- BT 2/74: Hướng dẫn HS làm.

Thứ tự điền: 36, 39, 54, 47, 9, 4.

- BT 3/74: Gọi HS đọc đề.

Lớp 2A có bao nhiêu HS? Còn lại bao nhiêu HS?

Tóm tắt:

Lớp 2A: 38 HS → Chuyển: ? HS

→ Còn: 30 HS.

Giải:

Số HS chuyển đi là:

$$38 - 30 = 8 \text{ (HS).}$$

ĐS: 8 HS.

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dặn dò

HS nêu.

Chưa.

HS đọc.

HS trả lời.

10: SBT, x: số

trừ, 6: hiệu

Lấy SBT – hiệu.

Cá nhân, đồng

thanh.

Bảng con 2 bài.

Nhận xét, bổ

sung. Vở 2 bài, 2

HS làm bảng (HS

yếu).

Nhận xét.

Tự chấm.

2 nhóm.

ĐD trình bày.

Nhận xét. Tuyên

đương.

Cá nhân.

HS yếu trả lời.

Làm vở.

Làm bảng.

Nhận xét.

Đổi vở chấm.

- Trò chơi: “Xếp hình” – BT 4/74.
- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

2 nhóm làm.
Nhận xét.

CHÍNH TẢ (TC). Tiết: 29 HAI ANH EM

A- Mục đích yêu cầu:

- Chép chính xác, trình bày đúng đoạn 2 của truyện “Hai anh em”.
- Viết đúng và nhớ cách viết một số tiếng có âm, vần dễ lẫn **ai/ay**...
- HS yếu: chép lại chính xác bài chính tả và làm đúng bài tập.

B- Đồ dùng dạy học:

Bảng phụ viết sẵn nội dung cần chép.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: cho HS viết: nặng nề, lạnh lợi, tìm tòi, khiêm tốn.
Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết chính tả hôm nay các em sẽ chép lại chính xác đoạn 2 của truyện “Hai anh em” → Ghi.

2- Hướng dẫn HS tập chép:

- GV treo bảng phụ viết sẵn nội dung đoạn chép.
- +Tìm những câu nói lên suy nghĩ của người em?

+Suy nghĩ của người em được ghi với những dấu câu nào?

- Hướng dẫn viết từ khó: nuôi vợ, phần, công bằng, nghĩ vậy.
- Hướng dẫn HS nhìn bảng viết bài.
- GV theo dõi uốn nắn.

3- Chấm bài: 5- 7 bài.

4- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/63: Hướng dẫn HS làm.

ai: chai, hái.

ay: bay, chạy.

- BT 2/63: Gọi HS đọc yêu cầu bài.

a) Hướng dẫn HS làm: Bác sĩ, sơn ca, xấu.

Bảng con (cả lớp).
Viết bảng lớp (2 HS).

2 HS đọc lại.
Anh mình còn phải nuôi... công bằng.
Đặt trong ngoặc kép, ghi sau dấu hai chấm.
Bảng con.
Viết vở.
HS dò lỗi giúp bạn.

Bảng con. Nhận xét.

Cá nhân.
Làm vở, làm bảng (HS yếu).
Nhận xét.

- III- Hoạt động 3:** Củng cố - Dẫn dò.
- Cho HS viết: công bằng, nghĩ vậy, bác sĩ, chạy.
 - Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

Đôi vở chấm.

2 HS viết bảng.

**KỂ CHUYỆN. Tiết: 15.
HAI ANH EM.**

A- Mục đích yêu cầu:

- Kể được từng phần (từng đoạn) câu chuyện theo gợi ý.
- Biết tưởng tượng những chi tiết không có trong truyện.
- Có khả năng tập trung theo dõi bạn kể chuyện. Biết nhận xét đánh giá lời kể của bạn.
- HS yếu: biết kể lại một đoạn câu chuyện.

B- Đồ dùng dạy học:

Bảng phụ viết các gợi ý a, b, c, d.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: Câu chuyện bó đũa.

Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Bài kể chuyện hôm nay các em sẽ dựa vào gợi ý câu chuyện và bài tập đọc để kể → Ghi.

2- Hướng dẫn kể chuyện:

- Gọi HS đọc yêu cầu và các gợi ý a, b, c, d.
- Hướng dẫn HS kể từng đoạn câu chuyện theo gợi ý.
- Gọi HS đại diện kể trước lớp.
- Gọi HS đọc yêu cầu 2.
- Yêu cầu HS đọc lại đoạn 4 của câu chuyện.
- Hướng dẫn HS nói ý nghĩ của từng người.
VD: Ý nghĩ của anh: Hóa ra em làm chuyện này...
Ý nghĩ của người em: Anh thật tốt với em...
- Hướng dẫn HS kể nối tiếp theo 4 gợi ý.

Nói tiếp kể.

Cá nhân.

Kể theo nhóm.

ĐD kể. Nhận xét.

Cá nhân.

Cá nhân.

4 HS nối tiếp kể
(gợi 1- 2 HS
yêu).

Nhận xét.

4 HS. Nhận xét.

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dẫn dò

- Gọi HS kể lại 4 gợi ý của câu chuyện.
- Về nhà kể lại cho người thân nghe – Nhận xét.

THỦ CÔNG. Tiết: 15
GẤP, CẮT, DÁN HÌNH TRÒN (T 2)

A- Mục tiêu:

- Gấp, cắt, dán được hình tròn. HS hứng thú với giờ học thủ công.

B- Chuẩn bị:

- Mẫu hình tròn dán trên hình vuông.
- Quy trình gấp, cắt, dán hình tròn.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: kiểm tra sự chuẩn bị của HS

Nhận xét.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết thủ công hôm nay các em sẽ tiếp tục gấp, cắt, dán hình tròn → Ghi.

2- HS thực hành gấp, cắt, dán hình tròn:

- Nhắc lại quy trình gấp.
- +Bước 1: Gấp hình tròn.
- +Bước 2: Cắt hình tròn.
- +Bước 3: Dán hình tròn.

Hướng dẫn HS thực hành.

- GV theo dõi uốn nắn cho những HS yếu.
- Đánh giá sản phẩm.

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dặn dò

- Nhắc lại cách gấp, cắt, dán hình tròn cho đẹp.
- Về nhà làm lại bài – Nhận xét.

Theo nhóm.
Hoàn thành sp.
Trình bày sp.

2 HS nêu.

Thứ tư ngày 12 tháng 12 năm 20..

TẬP ĐỌC. Tiết: 45
BÉ HOA

A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc lưu loát toàn bài. Ngắt nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.
- Biết đọc bài với giọng tình cảm nhẹ nhàng. Hiểu các từ ngữ trong bài: Đen lầy..
- Hiểu nội dung bài: Hoa rất yêu thương em và biết giúp đỡ bố mẹ.
- HS yếu: Đọc lưu loát toàn bài, ngắt nghỉ hơi đúng và hiểu nội dung bài.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: Hai anh em
Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Bài đọc hôm nay kể cho các em về tình cảm và sự chăm sóc của 1 người chị với em bé của mình.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Hướng dẫn HS đọc từng câu → hết.
- Luyện đọc từ khó: lớn lên, đen láy, nắn nót, đưa võng,...
- Hướng dẫn cách đọc.
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Từ mới, giải nghĩa: đen láy...
- Hướng dẫn đọc từng đoạn trong nhóm.

- Thi đọc giữa các nhóm.
- Nhận xét – Ghi điểm.

3- Tìm hiểu bài:

- Em biết những gì về gia đình Hoa?
- Em Nụ đáng yêu ntn?
- Hoa đã làm gì giúp mẹ?
- Trong thư gửi bố, Hoa kể gì và mong muốn gì?

4- Luyện đọc lại:

Gọi 2 HS lên thi đọc.

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dặn dò

- Hoa là người ntn?
- Về nhà luyện đọc lại – Nhận xét.

Đọc và trả lời câu hỏi.

Nói tiếp.

Nói tiếp.

Nói tiếp (HS yếu đọc nhiều).
Cá nhân

Gia đình Hoa có 4 người: Bố, mẹ, Hoa và em Nụ mới sinh.
Môi đỏ hồng, mắt mở to, tròn và đen láy.
Ru em ngủ, trông em.
Kể về em Nụ, về Hoa, muốn bố về dạy thêm bài hát...

Cá nhân (2HS).

Biết chăm sóc em, giúp đỡ mẹ.

TOÁN. Tiết: 73
ĐƯỜNG THẲNG

A- Mục tiêu:

- Có biểu tượng về đoạn thẳng, nhận biết được 3 điểm thẳng hàng.
- Biết vẽ được đoạn thẳng, đường thẳng qua 2 điểm, biết ghi tên các đường thẳng.
- HS yếu: nhận biết được ba điểm thẳng hàng và vẽ được đường thẳng.

B- Đồ dùng dạy học:

Thước thẳng.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: cho HS làm:

$34 - x = 15$	$17 - x = 8$
$x = 34 - 15$	$x = 17 - 8$
$x = 19$	$x = 9$

Làm bảng (3HS).

- BT 3/74.

Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết Toán hôm nay cô sẽ dạy các em bài:
Đường thẳng → Ghi.

2- Giới thiệu cho HS về đường thẳng, 3 điểm thẳng hàng.

a) Giới thiệu về đường thẳng AB:

- Hướng dẫn vẽ đoạn thẳng: Chấm 2 điểm A và B, dùng thước và bút nối từ điểm A đến điểm B. Ta gọi tên “đoạn thẳng đó là đoạn thẳng AB” → Ghi bảng: đoạn thẳng AB
- Hướng dẫn HS nhận biết ban đầu về đường thẳng: Dùng thước kéo dài đoạn thẳng AB về 2 phía ta được đường thẳng AB và viết là “Đường thẳng AB”.

HS nhắc lại.

b) Giới thiệu 3 điểm thẳng hàng:

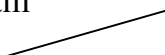
- GV chấm sẵn 3 điểm A, B, C lên bảng (điểm C sao cho cùng nằm trên đoạn thẳng AB). 3 điểm A, B, C cùng nằm trên một đoạn thẳng ta nói A, B, C thẳng hàng.

HS nhắc lại.

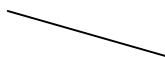
3- Thực hành:

- BT 1/75: Hướng dẫn HS làm

Đường thẳng MN:



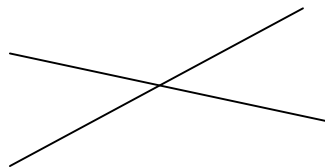
Đường thẳng CD:



Bảng con.
Gọi HS yếu làm
bảng lớp.

- BT 2/75: Hướng dẫn HS làm:

a)



Làm vở. Làm
bảng. Nhận xét.
Tự chấm vở.

A, O, B: là 3 điểm thẳng hàng.

C, O, D: là 3 điểm thẳng hàng.

b)

I, M, N là 3 điểm thẳng hàng.

M, P, H là 3 điểm thẳng hàng.

I, P, S là 3 điểm thẳng hàng.

N, S, H là 3 điểm thẳng hàng.

- BT 3/75: Hướng dẫn HS làm:

b) Hướng dẫn HS tô màu các hình tam giác trong hình vẽ.

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dặn dò

- Yêu cầu HS vẽ đoạn thẳng AB và CD.

- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

2 nhóm.

ĐD trình bày.

2 HS vẽ trên

bảng. Nhận xét.

TẬP VIẾT. Tiết: 15 CHỮ HOA N

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết viết chữ hoa N theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Biết viết ứng dụng cụm từ: "Nghĩ trước nghĩ sau" theo cỡ nhỏ, viết chữ đúng mẫu, đẹp.

- Viết đúng kiểu chữ, khoảng cách giữa các chữ, viết đẹp.

B- Đồ dùng dạy học:

Mẫu chữ viết hoa N, cụm từ ứng dụng và vở TV.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: Kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: M, Miệng.
Nhận xét - Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em viết chữ hoa N - ghi bảng.

2- Hướng dẫn viết chữ hoa:

- Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét.

- GV gắn chữ hoa N ở bảng.

- Chữ hoa N có mấy nét, viết mấy ô li?

(Móc ngược trái, thẳng xiên, móc xuôi phải)

- Hướng dẫn cách viết: SGK/275.

- GV viết mẫu và nêu quy trình viết.

- Hướng dẫn HS viết bảng con.

Theo dõi, uốn nắn.

3- Hướng dẫn HS viết chữ Nghĩ:

- Cho HS quan sát và nhận xét chữ **Nghĩ**.

- Chữ **Nghĩ** có bao nhiêu con chữ ghép lại?

Bảng 3 HS (HS yếu). Nhận xét.

Quan sát.

3 nét, viết 5 ô li

Quan sát.

Quan sát.

Bảng con.

Quan sát.

Có 4 con chữ.

- Độ cao các con chữ viết ntn?

- GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết.
- Hướng dẫn HS viết.

4- Hướng dẫn cách viết cụm từ ứng dụng:

- Giới thiệu cụm từ ứng dụng.
- GV giải nghĩa cụm từ: **Nghĩ trước nghĩ sau.**
- Chia nhóm thảo luận về nội dung cấu tạo, khoảng cách và độ cao các con chữ.
- GV viết mẫu, hướng dẫn cách viết.

5- Hướng dẫn HS viết vào vở TV:

- 1 dòng chữ N cỡ vừa.
- 1 dòng chữ N cỡ nhỏ.
- 1 dòng chữ Nghĩ cỡ vừa.
- 1 dòng chữ Nghĩ cỡ nhỏ.
- 1 dòng câu ứng dụng.

6- Chấm bài: 5- 7 bài. Nhận xét.

III- Hoạt động 3: Củng cố- Dặn dò

- Gọi HS viết lại chữ N – Nghĩ.
- Về nhà luyện viết thêm – Chuẩn bị bài sau - Nhận xét.

N, g, h, i.
Viết 5 ôli: N, g, h
2 ôli; i.
Dấu ~ đặt trên i.
Bảng con.

HS đọc.

4 nhóm. Đại diện
trả lời. Nhận xét.
Nhận xét.

HS viết vở.

Bảng (HS yếu)

**TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 15
TRƯỜNG HỌC**

A- Mục tiêu:

- Tên trường, địa chỉ của trường mình và ý nghĩa của tên trường.
- Mô tả một cách đơn giản cảnh quan của trường. Cơ sở vật chất của nhà trường và một số hoạt động diễn ra. Tự hào và yêu quý trường học của mình.

B- Đồ dùng dạy học:

Hình vẽ trong SGK/32, 33.

C- Các hoạt động dạy học:

1- Giới thiệu bài: Bài hôm nay cô sẽ giới thiệu cho các em về trường học mà các em đang học → Ghi.

2- Hoạt động 1: Quan sát trường học.

- Bước 1: Tổ chức cho HS tham quan xung quanh trường để nắm các nội dung sau:

+Tên trường và ý nghĩa của tên trường.

+Cho HS đứng trước cổng trường.

+Tổ chức cho HS đứng ở sân để quan sát các lớp học và

HS đọc tên
trường, địa chỉ, ý
nghĩa tên trường.

phân biệt được từng khối lớp.

+Yêu cầu HS nói tên và chỉ vị trí của từng khối lớp.

+Tổ chức cho HS tham quan các phòng làm việc của BGH, thư viện,...

+Tổ chức cho HS quan sát sân trường và nhận xét chúng rộng hay hẹp và ở đó trồng những cây gì?

- Bước 2: Tổ chức tổng kết buổi tham quan.

- Bước 3: Yêu cầu HS thảo luận về quang cảnh của trường.

- Kết luận: SGK/54.

3- Hoạt động 2: Làm việc với SGK.

- Bước 1: Làm việc theo cặp.

Hướng dẫn HS quan sát hình 3, 4, 5, 6/33 và trả lời câu hỏi.

Ngoài các phòng học, trường của bạn còn có những phòng nào?

Nói về hoạt động diễn ra ở lớp học, thư viện,...

Bạn thích phòng nào? Tại sao?

- Bước 2: Gọi HS trả lời trước lớp.

- Kết luận: SGK/55

III- Hoạt động 3: củng cố - Dặn dò

- Trò chơi: “Hướng dẫn viên du lịch”.

Cách tiến hành: SGK/55.

- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

HS chỉ và nói.
Tham quan.

HS trả lời.

HS nhớ lại.
Theo cặp.
ĐD nói trước lớp

Trả lời theo cặp.

HS trả lời.

HS chơi.

Thứ năm ngày 13 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết: 74

LUYỆN TẬP

A- Mục tiêu:

- Củng cố kỹ năng trừ nhẩm, cách thực hiện phép trừ có nhớ, tìm nhanh phần chưa biết trong phép trừ, cách vẽ đường thẳng.

- HS yếu: Thực hiện được phép trừ có nhớ, cách vẽ đường thẳng.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: Cho HS vẽ BT 1/75.

Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích, yêu cầu tiết học → ghi

2- Luyện tập:

- BT 1/76: Hướng dẫn HS nhẩm miệng.

$$18 - 9 = 9$$

$$17 - 9 = 8$$

$$16 - 9 = 7$$

$$15 - 6 = 9$$

$$15 - 7 = 8$$

$$15 - 8 = 7$$

Vẽ bảng (1HS).

Nói tiếp.

- BT 2/76: Bài toán yêu cầu gì?

42	71	60	54
18	25	37	9
24	46	23	45

- BT 3/76: Hướng dẫn HS làm:

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dẫn dò

- Trò chơi: “Vẽ một đường thẳng bất kỳ và đặt tên cho đường thẳng đó”.

- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

Đặt tính rồi tính.
92
46
46
Làm bảng 2 phép tính. Làm vở, làm bảng (gọi HS yếu). Nhận xét.
Đổi vở chấm.
3 nhóm.
Đại diện trình bày. Nhận xét.

4 nhóm.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 15
TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM. CÂU KIỂU: AI, THẾ NÀO.

A- Mục đích yêu cầu:

- Mở rộng vốn từ chỉ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật.
- Rèn kỹ năng đặt câu: Ai thế nào?
- HS yếu: biết được từ chỉ đặc điểm, tính chất của người, vật, sự vật.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: Gọi HS đọc BT 2/60
Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích, yêu cầu bài học → Ghi.

2- Hướng dẫn làm bài tập:

Đọc (2 HS).
Nhận xét.

Miệng (HS yếu).

- BT 1/63: Hướng dẫn HS làm.

Gọi HS đọc yêu cầu đề.

VD: Em bé rất đẹp (dễ thương, xinh).

Những quyển vở này rất nhiều màu (đẹp).

Những cây cau này rất cao (thẳng, thật xanh tốt...).

- BT 2/64: Hướng dẫn HS làm.

a) Lễ phép, vâng lời, siêng năng,...

b) Vàng, tím, hồng,...

c) Mập, ốm, dài, ngắn,...

- BT 3/64: Hướng dẫn HS làm.

b) Tính tình của mẹ em hiền hậu.

c) Bàn tay của em bé trắng hồng.

d) Nụ cười của anh em rạng rỡ.

III- Hoạt động 3: Cùng cô - Dẫn dò

- Tìm một số từ tả hình dáng của người?

- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

Cá nhân.

Làm vở, làm bảng.

Nhận xét.

Tự chấm.

3 nhóm.

Đại diện làm.

Nhận xét.

Mập, ốm, cao,...

CHÍNH TẢ (NV). Tiết: 30

BÉ HOA

A- Mục đích yêu cầu:

- Nghe, viết chính xác, trình bày đúng một đoạn trong bài “Bé Hoa”.

- Tiếp tục luyện tập phân biệt các tiếng có âm đầu và vần dễ lẫn **ai/ay; ât/âc**.

- HS yếu: có thể cho tập chép.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: chim sẻ, bậc thang. Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm nay các em sẽ nghe, viết chính xác một đoạn trong bài “Bé Hoa” → Ghi.

2- Hướng dẫn nghe, viết:

- GV đọc toàn bài chính tả.

Em Nụ đáng yêu ntn?

- Hướng dẫn HS viết từ khó: Hoa, Nụ, trông, mắt, tròn, đen láy, vồng,...

- GV đọc từng câu, cụm từ → hết.

- GV đọc lại.

Bảng.

2 HS đọc lại.

Môi hồng, mắt mở to, đen láy.

Bảng con.

Viết vào vở (HS yếu có thể tập chép).

HS dò.

- Hướng dẫn HS đôi vở chấm.

*Chấm bài: Chấm 5- 7 bài.

3- Hướng dẫn HS làm bài tập:

- BT 1/65: Hướng dẫn HS làm.

a) bay ; b) chảy ; c) sai.

- BT 2/65:

b) Hướng dẫn HS làm: giấc ngủ, thật thà, chủ nhật, nhắc lên.

Đôi vở chấm lỗi.

Miệng.

Nhận xét.

Làm vở.

4 HS làm bảng.

Nhận xét.

Đôi vở chấm.

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dặn dò

- Cho HS viết: Nụ, Hoa, chủ nhật, máy bay.

- Về nhà luyện viết thêm – Nhận xét.

Viết bảng.

ĐẠO ĐỨC. Tiết: 15
GIỮ GÌN TRƯỜNG LỚP SẠCH ĐẸP (T 2)

A- Mục tiêu:

- HS biết một số biểu hiện cụ thể của việc giữ gìn trường lớp sạch đẹp.

- Lý do vì sao cần giữ gìn trường lớp sạch đẹp.

- Có thái độ đồng tình với việc làm đúng để giữ gìn trường, lớp sạch đẹp.

B- Tài liệu và phương tiện: Các tình huống.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ:

- Chúng ta có nên vẽ bậy trên bàn ghế hay vách tường không? Vì sao?

- Chúng ta phải làm gì để giữ gìn trường lớp sạch đẹp?

- Nhận xét.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm nay các em sẽ học bài “Giữ gìn trường lớp sạch đẹp” (tt) → Ghi.

2- Hoạt động 1: Đóng vai xử lý tình huống.

- Giao cho mỗi nhóm một tình huống.

- **Tình huống 1:** Mai và Lan cùng làm trực nhật. Mai định đổ rác qua cửa sổ lớp học cho tiện. Lan sẽ...

- **Tình huống 2:** Nam rủ Hà: “Minh cùng vẽ hình Đô- rê- mon lên tường đi!”. Hà sẽ...

- **Tình huống 3:** Thứ bảy nhà trường tổ chức trồng cây, trồng hoa trong sân trường, mà bố lại hứa cho Long đi chơi công viên. Long sẽ...

HS trả lời.

Nhận xét.

3 nhóm.

Mỗi nhóm tự phân vai để tự đóng vai.

- GV mời các nhóm lên trình bày tiêu phẩm.
- Em thích nhân vật nào nhất? Tại sao?

3- Hoạt động 2: Thực hành làm sạch, làm đẹp lớp học.

- Cho HS quan sát xung quanh lớp xem sạch, đẹp chưa?
- Sau khi đẹp xong em cảm thấy ntn?

*Kết luận: SGK/33.

4- Hoạt động 3: Trò chơi “Tìm đôi”

- Tiến hành như SGK/53.
- Nhận xét – Đánh giá.

*Kết luận chung: Giữ gìn trường lớp sạch đẹp là quyền và bổn phận của mỗi HS để các em được sinh hoạt và học tập trong môi trường lành mạnh.

Trường em, em quý em yêu

Giữ cho sạch đẹp sớm chiều không quên.

III- Hoạt động 3: Củng cố - Dặn dò

- Giữ gìn trường, lớp sạch đẹp có lợi hay có hại? Vì sao?
- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

ĐD trình bày.

HS trả lời.

Thực hành xếp dọn lại cho đẹp.

HS trả lời.

HS thực hiện trò chơi.

HS trả lời.


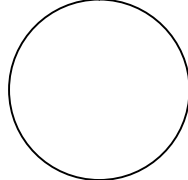
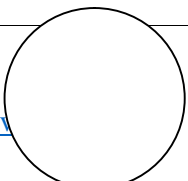
THỂ DỤC. Tiết: 29
TRÒ CHƠI: VÒNG TRÒN.


A- Mục tiêu:

- Tiếp tục học trò chơi “Vòng tròn”. Yêu cầu biết cách chơi.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, kẻ sẵn vòng tròn.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p>I- Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Đi dắt tay nhau chuyển đội hình hàng ngang thành vòng tròn. - Đi vòng tròn vỗ tay và hát. - Ôn bài thể dục phát triển chung: 1 lần (2 x 8 nhịp). 	7 phút	<p>X X</p>  
II- Phần cơ bản:	20 phút	

- Trò chơi “Vòng tròn”. - Cách chơi: giống tiết 28.		
III- Phần kết thúc:	8 phút	
- Cuối người thả lỏng. - Cuối lắc người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDDT – Nhận xét.		<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 

Thứ sáu ngày 14 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết: 75
LUYỆN TẬP CHUNG

A- Mục tiêu:

- Củng cố kỹ năng tính nhẩm, kỹ năng thực hiện phép trừ có nhớ, cách thực hiện cộng, trừ liên tiếp, cách giải bài toán bằng phép trừ với quan hệ “ngắn hơn”.
- HS yếu: thực hiện được phép trừ có nhớ và giải bài toán bằng phép trừ.

B- Các hoạt động dạy học:

- BT 1/77: Hướng dẫn HS làm.

$$12 - 9 = 3$$

$$17 - 6 = 11$$

$$14 - 7 = 7$$

$$11 - 6 = 5$$

$$15 - 7 = 8$$

$$13 - 5 = 8$$

Miệng (HS yếu).

- BT 2/77: Bài yêu cầu gì?

66	41
29	6
37	35

$$82$$

$$37$$

$$45$$

53

18

35

Đặt tính rồi tính.

Bảng con 2 phép

tính. Làm vở.

Làm bảng (HS

yếu). Nhận xét.

Đổi vở chấm

2 nhóm.

Đại diện làm.

Nhận xét.

- BT 3/77: Hướng dẫn HS làm:

$$56 - 18 - 2 = 36$$

$$74 - 27 - 3 = 44$$

$$48 - 16 + 25 = 57$$

$$93 - 55 + 24 = 62$$

- BT 5/77: Yêu cầu HS đọc đề bài.

Chị cao bao nhiêu dm? Em thấp hơn chị bao nhiêu dm?

Tóm tắt:

Chị cao: 15 dm.

Em thấp hơn: 6 dm.

Em cao: ? dm.

Giải:

Số đề- xi- mét em cao là:

$$15 - 6 = 9 \text{ (dm)}$$

ĐS: 9 dm.

HS yếu trả lời.

Làm vở.

1 HS làm bảng.

Nhận xét.

Tự chấm.

III- Hoạt động 3: Củng cố- Dặn dò

$18 - 9 = ?$

$14 - 6 = ?$

- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

$11 - 7 = ?$

$17 - 9 = ?$

4 HS trả lời.

TẬP LÀM VĂN. Tiết: 15
CHIA VUI – KỂ VỀ ANH CHỊ

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết nói lời chia vui (chúc mừng) hợp với tình huống giao tiếp.
- Biết viết đoạn văn ngắn kể về anh, chị, em của mình.
- HS yếu: biết nói lời chia vui (chúc mừng).

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1: kiểm tra bài cũ: Gọi HS làm lại BT 1/62.

Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Bài TLV hôm nay cô sẽ dạy các em biết nói lời chia vui và kể về anh, chị, em của mình → Ghi.

2- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/65: Hướng dẫn HS làm.

Em chúc mừng chị/Chúc chị sang năm đạt giải Nhất.

- BT 2/65: Gọi HS đọc đề.

GV hướng dẫn cho HS cần chọn viết một người đúng là anh, chị, em của em (hoặc là anh, chị, em họ).

Giới thiệu tên của người ấy, về đặc điểm hình dáng, tính tình của người ấy, tình cảm của em đối với người ấy...

VD: Anh trai của em tên là Lực, dáng người anh ấy rất cao to, có làn da ngăm đen và đôi mắt rất sáng với nụ cười rất tươi. Anh Lực học lớp 12, tính tình anh ấy rất hiền. Em rất yêu quý anh, rất tự hào về anh vì anh học rất giỏi.

- Gọi HS đọc bài của mình.

Nhận xét – Ghi điểm.

III- Hoạt động 3: Củng cố- Dặn dò

- Gọi HS có bài làm hay đọc cho lớp nghe.

- GV đọc mẫu bài.

- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

Miệng (2 HS).

Miệng (gọi HS yếu làm).
Cá nhân.
Làm vở.

3 HS.

Nhận xét.
Nghe.

THỂ DỤC. Tiết: 30
BÀI THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG


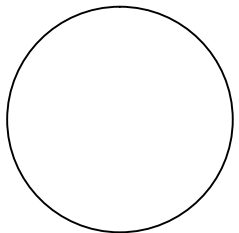

TRÒ CHƠI: VÒNG TRÒN.

A- Mục tiêu:

- Ôn bài thể dục phát triển chung. Yêu cầu thực hiện đúng động tác.
- Tiếp tục học trò chơi “Vòng tròn”. Yêu cầu biết cách chơi.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, kẻ sẵn 3 vòng tròn.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p>I- Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Giậm chân tại chỗ, đếm to theo nhịp. - Xoay khớp cổ chân, đầu gối. 	7 phút	<pre> X </pre> 
<p>II- Phần cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài thể dục phát triển chung: 4- 5 lần (2x8) - Trò chơi “Vòng tròn”. - Cho HS tập đi theo vòng tròn kết hợp với đọc vần điệu, vỗ tay nghiêng người, nhún chân như múa theo nhịp, đến nhịp 8 nhảy chuyển từ 1 vòng tròn thành 2 vòng tròn. Sau đó chơi lại tiếp tục từ 2 vòng tròn thành 1 vòng tròn. 	20 phút	
<p>III- Phần kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi theo 2- 4 hàng dọc, hát - Cuối người thả lỏng. - Cuối lắc người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TĐTT – Nhận xét. 	8 phút	<pre> X </pre> 

SINH HOẠT LỚP TUẦN 15:

A- Mục tiêu:

1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 14:

a)- Ưu:

- Đa số các em biết lễ phép, vâng lời.
- Đi học đều, ăn mặc sạch sẽ.
- Chữ viết có tiến bộ.
- Thẻ đục giữ giờ khăn trương.
- Ra vào lớp xếp hàng nghiêm túc.

b)- Khuyết:

- Còn một vài em lười học (Tuấn, Hiếu...).
- Chưa biết vâng lời (Tuấn,...)
- Trình bày vở chưa sạch, đẹp (Đặng, Duy...).
- Nộp các khoản tiền còn chậm.

2- Mục tiêu:

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 22/12.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

B- Nội dung:

1- Hoạt động trong lớp:

- Ngày 22/12/1944: thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.
- GV hát mẫu → hát từng câu.
- Hát cả bài.

2- Hoạt động ngoài trời:

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.
- Chơi trò chơi: Đi chợ, vòng tròn, bỏ khăn và chim sỏ lông.

C- Phương hướng tuần 16:

- Kiểm tra vở ghi chép của HS.
- Ôn tập chuẩn bị thi cuối HKI.
- Giáo dục đạo đức, phẩm chất tốt cho HS.

TUẦN 16:

Thứ hai ngày 17 tháng 12 năm 20...

TẬP ĐỌC. Tiết: 46 + 47. CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM

A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trơn toàn bài; biết nghỉ hơi sau các dấu câu, cụm từ.
- Biết đọc phân biệt giọng kể, giọng đối thoại.
- Hiểu nghĩa các từ mới: tung tăng, mắt cá chân, bó bột, bất động.
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: qua một ví dụ đẹp về tình thân giữa một bạn nhỏ với con chó nhà hàng xóm. Nêu bật vai trò của các vật nuôi trong đời sống tình cảm của trẻ em.
- Học sinh yếu: Đọc trơn toàn bài; biết nghỉ hơi sau các dấu câu, cụm từ.

B- Các hoạt động dạy học:

Tiết 1

I- Hoạt động 1: (5 phút) kiểm tra bài cũ: Bé Hoa.
Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2: (70 phút) Bài mới.

1- Giới thiệu chủ điểm mới và bài đọc:

- Chủ điểm mở đầu tuần 16 có tên gọi “Bạn trong nhà”. Bài đọc mở đầu chủ điểm này là truyện “Con chó nhà hàng xóm”. Qua bài đọc này, các em sẽ thấy tuổi thơ của thiếu nhi không thể thiếu tình bạn với các vật nuôi trong nhà. Những người bạn ấy làm cho cuộc sống của các em thêm đẹp, thêm vui.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Hướng dẫn HS đọc từng câu đến hết.
- Luyện đọc từ khó: nhảy nhót, tung tăng, lo lắng, thân thiết, vẫy đuôi, ríu rít,...
- Hướng dẫn cách đọc, ngắt nhịp.
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Hướng dẫn đọc từng đoạn trong nhóm.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Hướng dẫn đọc toàn bài.

Tiết 2

3- Tìm hiểu bài:

- Bạn của Bé ở nhà là ai?

Đọc và trả lời câu hỏi (3 HS).

Đọc nối tiếp.
Cá nhân, đồng thanh.

Nối tiếp.
Nối tiếp. HS yếu đọc nhiều.
Cá nhân.
Đồng thanh

Cún Bông- con chó của bác hàng xóm.

- Vì sao Bé bị thương?
- Khi Bé bị thương Cún đã giúp Bé ntn?
- Những ai đến thăm Bé?
- Vì sao Bé vẫn buồn?
- Cún đã làm cho Bé vui ntn?
- Bác sỹ nghĩ rằng vết thương của Bé mau lành là nhờ ai?
- Gọi HS đọc lại toàn bài.

4- Luyện đọc lại:

- Hướng dẫn HS đọc theo vai.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dẫn dò

- Câu chuyện này giúp em hiểu điều gì?
- Về nhà đọc lại bài- Nhận xét.

Chạy theo Cún, gấp phải khúc gỗ.
Chạy đi tìm mẹ của Bé đến giúp.
Bạn bè, ...
Nhớ Cún Bông.
Chơi với Bé, mang báo, búp bê...
Nhờ Cún Bông.

Cá nhân.

3 nhóm đọc- Nhận xét.

Tình bạn giữa Bé và Cún Bông rất thân thiết.

TOÁN. Tiết: 76 NGÀY, GIỜ

A- Mục đích yêu cầu:

- Nhận biết được 1 ngày có 24 giờ, biết các buổi và tên gọi các giờ tương ứng trong 1 ngày. Bước đầu biết nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, giờ.
- Cùng cô biểu tượng về thời gian và đọc đúng giờ trên đồng hồ.
- Bước đầu có hiểu biết về sử dụng thời gian (các buổi sáng, trưa, chiều, tối, đêm và đọc giờ) trong đời sống hàng ngày.
- HS yêu: Nhận biết được 1 ngày có 24 giờ, biết các buổi và tên gọi các giờ tương ứng trong 1 ngày. Bước đầu biết nhận biết đơn vị đo thời gian: ngày, giờ. Đọc đúng giờ trên đồng hồ.

B- Đồ dùng dạy học: mô hình đồng hồ.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm

$$\begin{array}{l|l} 60 - x = 27 & x + 18 = 50 \\ x = 60 - 27 & x = 50 - 18 \\ x = 33 & x = 32 \end{array}$$

Giải bảng (3HS).

- BT 5/77.

- Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Hướng dẫn và thảo luận cùng HS về nhịp sống tự nhiên hàng ngày:

<ul style="list-style-type: none">- Lúc 5 giờ sáng em đang làm gì?- 11 giờ trưa em làm gì?- 3 giờ chiều em làm gì?- 8 giờ tối em làm gì?- Mỗi khi HS trả lời GV quay kim trên mặt đồng hồ bằng bìa chỉ vào đúng thời điểm của câu trả lời.	<p>Ngủ. Ăn cơm. Học bài. Xem tivi.</p>
<p>3- GV giới thiệu tiếp: “Một ngày có 24 giờ. Một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau”.</p> <ul style="list-style-type: none">- Hướng dẫn HS đọc bảng phân chia thời gian trong ngày → biết cách gọi đúng tên các giờ trong ngày.- 2 giờ chiều còn gọi là mấy giờ?- 23 giờ còn gọi là mấy giờ?	<p>Nhiều HS hắc lại. 14 giờ. 11 giờ đêm.</p>
<p>4- Thực hành (phút):</p> <ul style="list-style-type: none">- BT 2/79: Hướng dẫn HS làm. Hướng dẫn HS làm nối tiếp.- BT 4/80: Hướng dẫn HS làm. 15 giờ hay 3 giờ chiều. 20 giờ hay 8 giờ tối. Nhận xét, tuyên dương.	<p>Miệng (HS yếu), làm vở. 4 nhóm. ĐD trình bày. Nhận xét. Tuyên dương.</p>
<p>III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dẫn dò.</p> <ul style="list-style-type: none">- Trò chơi: “Đố em mấy giờ”?- Nhận xét- Tuyên dương.- BTVN: 2/79- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.	<p>2 nhóm.</p>

Thứ ba ngày 18 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết: 77

THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ.

A- Mục tiêu:

- Tập xem đồng hồ. Làm quen với số chỉ giờ lớn hơn 12 (17 giờ, 23 giờ...).
- Làm quen với những hoạt động sinh hoạt, học tập thường ngày liên quan đến thời gian (đúng giờ, muộn giờ, sáng, tối...).
- HS yếu: biết cách xem đồng hồ.

B- Đồ dùng dạy học: Mô hình đồng hồ.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 4/80.

Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

Làm bảng (1 HS)

1- Giới thiệu bài: Tiết toán hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em xem đồng hồ qua bài “Thực hành xem đồng hồ” → Ghi.

2- Thực hành:

- BT 1/81: Yêu cầu HS đọc đề.
- Hướng dẫn HS làm bảng.
Nối đồng hồ 2 với tranh 1.
Nối tranh 2 với đồng hồ 4.
Nối tranh 3 với đồng hồ 1.
Nối tranh 4 với đồng hồ 3.
- BT 3/81: Hướng dẫn HS làm.
Tranh 1: Trí đi học muộn giờ.
Tranh 2: Cửa hàng đã đóng cửa.
Tranh 3: Lan tập đàn lúc 19 giờ tối.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- 14 giờ là mấy giờ?
- 20 giờ là mấy giờ?
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Cá nhân.
4 HS làm bảng
(HS yếu làm).
Nhận xét.

3 nhóm.
Đại diện làm.
Nhận xét, bổ sung. Tuyên dương.

2 giờ chiều.
8 giờ tối.

**CHÍNH TẢ (TC). Tiết: 31.
CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM.**

A- Mục tiêu:

- Chép lại chính xác, trình bày đúng đoạn tóm tắt truyện “Con chó nhà hàng xóm”. Làm đúng các bài tập phân biệt **ui/uy; ch/tr**.
- HS yếu: Chép chính xác đoạn viết và làm đúng bài tập.

B- Đồ dùng dạy học: Chép sẵn nội dung đoạn chép.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1(5 phút): kiểm tra bài cũ: cho HS viết: sắp xếp, ngôi sao, xếp hàng.
Nhận xét – Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết chính tả này các em sẽ chép lại chính xác đoạn tóm tắt truyện “Con chó nhà hàng xóm” → Ghi.

2- Hướng dẫn HS tập chép:

- GV treo bảng phụ đã viết sẵn nội dung.
Vi sao từ “Bé” viết hoa?
Trong 2 từ “bé” ở câu “Bé là một cô bé yêu loài vật” từ nào là tên riêng?
- Hướng dẫn HS viết từ khó: quần quýt, bị thương, mau

Bảng con

2 HS đọc.
Danh từ riêng.
Bé thứ nhất.

Bảng con.

lành,...

- Hướng dẫn HS nhìn bảng chép bài vào vở.
- GV theo dõi, uốn nắn.
- Hướng dẫn HS đổi vở dò lỗi.

3- Chấm bài: 5- 7 bài.

4- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/66: Hướng dẫn HS làm.

ui: núi, túi, mùi vị, búi tóc,...

uy: tàu thủy, lũy tre, tuy vậy...

- BT 2/66:

a) Hướng dẫn HS làm.

Chôi, chén, chậu, chày, chim,...

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dặn dò.

- Tìm tiếng có âm **tr**?
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Chép bài vào vở.

Theo cặp.

Nhóm.

ĐD trả lời.

Nhận xét.

Làm vở + bảng
(HS yếu làm).

Nhận xét, tự
chấm.

Tre, trồng,...

KỂ CHUYỆN. Tiết: 16 CON CHÓ NHÀ HÀNG XÓM.

A- Mục đích yêu cầu:

- Kể lại từng đoạn câu chuyện “Con chó nhà hàng xóm”, biết phối hợp lời kể với điệu bộ, nét mặt, thay đổi giọng cho phù hợp với nội dung.
- Có khả năng theo dõi bạn kể chuyện, biết nhận xét, đánh giá lời kể của bạn.
- HS yếu: Biết kể lại ít nhất một đoạn câu chuyện.

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: “Hai anh em”.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Các em sẽ dựa vào bài tập đọc và tranh minh họa trong SGK kể lại từng đoạn câu chuyện “Con chó nhà hàng xóm” → Ghi.

2- Hướng dẫn HS kể chuyện:

- Hướng dẫn HS nêu nội dung từng tranh.

Tranh 1: Bé cùng Cún con chạy nhảy.

Tranh 2: Bé vấp ngã, Cún con tìm người giúp.

Tranh 3: Bạn bè đến thăm Bé.

Tranh 4: Cún con làm Bé vui những ngày bố bận.

Tranh 5: Bé khỏe lại đùa vui với Cún.

- Hướng dẫn HS kể từng đoạn.
- Gọi HS kể từng đoạn trước lớp.

Nối tiếp kể.

Nêu.

Nhóm (HS yếu
kể một đoạn).

Nhận xét.

Cá nhân.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dẫn dò.

- Gọi nhóm nào kể hay lên kể lại câu chuyện.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Nối tiếp.

THỦ CÔNG. Tiết: 16

GẤP, CẮT, DÁN BIỂN BÁO GIAO THÔNG CHỈ LỐI THUẬN CHIỀU.

A- Mục tiêu:

- HS biết cách gấp, cắt, dán biển báo giao thông chỉ lối đi thuận chiều.
- Gấp, cắt, dán được biển báo chỉ lối đi thuận chiều. Có ý thức chấp hành luật lệ giao thông.

B- Chuẩn bị: Hai hình mẫu: Biển báo giao thông chỉ lối đi thuận chiều và quy trình gấp, cắt, dán biển báo giao thông. Giấy nháp, kéo, hồ, bút chì, thước...

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: kiểm tra sự chuẩn bị của HS

Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết học này cô sẽ hướng dẫn các em gấp, cắt, dán 1 số biển báo giao thông → Ghi.

2- Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:

- GV treo hình mẫu.
- Cho HS so sánh về hình dáng, màu sắc và kích thước của hình.

3- GV hướng dẫn mẫu:

- Bước 1: Gấp, cắt biển báo chỉ lối đi thuận chiều. Gấp, cắt dán hình tròn màu xanh từ hình vuông có cạnh 6 ô.

Cắt hình chữ nhật màu trắng có chiều dài 4 ô, rộng 1 ô.

Cắt hình chữ nhật màu khác có chiều dài 10 ô, rộng 1 ô làm chân biển báo.

- Bước 2: Dán biển báo chỉ lối đi thuận chiều. Dán chân biển báo vào tờ giấy trắng (H 1).

Dán hình tròn màu xanh chõm lên chân biển báo khoảng nửa ô (H 2).

Dán hình chữ nhật màu trắng vào giữa hình tròn (H 3).

4- Hướng dẫn thực hành gấp, cắt, dán biển báo chỉ lối đi thuận chiều:

- Hướng dẫn HS gấp, cắt, dán sản phẩm vào vở.

Đánh giá sản phẩm.

Quan sát.

So sánh.

Quan sát.

Thực hành theo nhóm. Dán vào vở.

III- Hoạt động 3 (3 phút): Củng cố- Dẫn dò.

- Hướng dẫn lại cách gấp, cắt, dán biển báo chỉ lối đi thuận chiều sao cho đẹp.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Thứ tư ngày 19 tháng 12 năm 20...

TẬP ĐỌC. Tiết: 48
THỜI GIAN BIỂU.

A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc đúng các chỉ số giờ. Biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.
- Đọc chậm rãi, rõ ràng, rành mạch.
- Hiểu từ: thời gian biểu.
- Hiểu tác dụng của thời gian biểu, hiểu cách lập thời gian biểu cho hoạt động của mình.
- HS yếu: đọc đúng các chỉ số giờ, rõ ràng, rành mạch. Biết nghỉ hơi đúng sau các dấu câu.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: “Con chó nhà hàng xóm”.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm trước cô đã dạy các em bài “Thời khóa biểu”, hôm nay, các em sẽ được học bài tập đọc “Thời gian biểu” → Ghi.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Hướng dẫn HS đọc từng phần (câu) đến hết.

VD: 1 HS đọc: sáng 6 giờ - 6 giờ 30.

1 HS khác đọc: ngủ dậy, tập thể dục.

- GV chú ý cách đọc của HS.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn đến hết.
- Từ mới, giải nghĩa: thời gian biểu, vệ sinh cá nhân,..
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn theo nhóm.

- Thi đọc giữa các nhóm.
- Gọi HS đọc lại toàn bài.

3- Tìm hiểu bài:

- Đây là lịch làm việc của ai?
- Em hãy kể các việc làm của Phương Thảo hàng ngày?

Đọc và trả lời câu hỏi.

HS đọc lại.
Nối tiếp.

Nối tiếp.

4 nhóm.
Đọc nhóm (HS yếu đọc nhiều).
Cá nhân.

Ngô Phương Thảo.
HS kể tất cả:

- Phương Thảo ghi các việc cần làm hàng ngày vào thời gian biểu để làm gì?

- Thời gian biểu ngày nghỉ của Thảo có gì khác ngày thường?

4- Thi tìm nhanh, đọc giỏi:

- Hướng dẫn cách đọc cho HS nắm.

III- Hoạt động 3 (5 phút): củng cố- Dẫn dò

- Mỗi người nên lập thời gian biểu hợp lý cho mình?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

sáng, trưa, chiều..

Để bạn nhớ việc

và làm 1 cách

thong thả, tuần

tự, hợp lý.

7h- 11h: đi học.

Thứ 7: học vẽ.

CN: đến bà.

4 nhóm. Nhận xét

HS trả lời.

TOÁN. Tiết: 78
NGÀY, THÁNG

A- Mục tiêu:

- Biết đọc tên các ngày trong tháng.

- Bước đầu biết xem lịch: biết đọc thứ, ngày, tháng trên 1 tờ lịch.

- Làm quen với đơn vị đo thời gian: ngày, tháng. Củng cố nhận biết về các đơn vị đo thời gian: ngày, tuần. Tiếp tục củng cố biểu tượng về thời gian và khoảng thời gian. Biết vận dụng các biểu tượng đó để trả lời các câu hỏi đơn giản.

- HS yếu: biết đọc tên các ngày trong tháng, biết xem lịch.

B- Đồ dùng dạy học: 1 quyển lịch tờ.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: GV đưa mô hình đồng hồ, yêu cầu HS chỉnh giờ như sau: 7 h, 9 h, 10 h, 5 h. Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu giờ học.

2- Giới thiệu cách đọc tên các ngày trong tháng:

- GV treo tờ lịch và giới thiệu: Đây là tờ lịch ghi các ngày trong tháng 11.

Khoanh vào số 20 và nói tiếp: ngày được khoanh tròn là ngày mấy của tháng 11 và ứng với thứ mấy trong tuần lễ?

- GV viết: Ngày 20 tháng 11.

- GV chỉ vào bất kỳ ngày nào trong tờ lịch, yêu cầu HS đọc đúng tên các ngày đó?

- GV hướng dẫn:

Cột ngoài cùng ghi chỉ số tháng.

Chỉnh đúng giờ
(2 HS).

HS trả lời: 20- 11
Thứ 5.

Nhiều HS nhắc
lại.

HS đọc.

Dòng 1: Ghi tên các ngày trong tuần, các ô còn lại ghi chỉ số các ngày trong tháng.

Mỗi tờ lịch như 1 cái bảng có các cột và các dòng. Vì cùng cột với ngày 20 tháng 11 nên ta đọc: Ngày 20 tháng 11 là thứ năm.

Tháng 11 bắt đầu từ ngày 1 và kết thúc ngày 30. Vậy tháng 11 có 30 ngày.

- Gọi vài HS nhìn lịch và trả lời câu hỏi.

Ngày 26 tháng 11 là ngày thứ mấy?

3- Thực hành:

- BT 1/82: Hướng dẫn HS làm:

Ngày 20 tháng 11.

Ngày 15 tháng 11: ngày mười lăm tháng mười một.

Ngày 11 tháng 11.

- BT 2/82:

a) Hướng dẫn HS làm:

2, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29.

b) Hướng dẫn HS làm.

Thứ 3

4 ngày chủ nhật.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dẫn dò.

- Thứ tư tuần này ngày 24, thứ tư tuần sau là ngày mấy?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS nhắc lại.

Làm vở, làm bảng (HS yếu).

Nhận xét.

Tự chấm vở.

4 nhóm.

ĐD trình bày.

Nhận xét.

Bảng con.

31.

TẬP VIẾT. Tiết: 16 CHỮ HOA O

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết viết chữ hoa O theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Biết viết ứng dụng cụm từ: "Ong bay bướm lượn" theo cỡ nhỏ, viết chữ đúng mẫu, đẹp.

- Viết đúng kiểu chữ, khoảng cách giữa các chữ, viết đẹp.

B- Đồ dùng dạy học:

Mẫu chữ viết hoa O, cụm từ ứng dụng và vở TV.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): Kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: N, Nghĩ. Nhận xét - Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em viết chữ hoa O - ghi bảng.

2- Hướng dẫn viết chữ hoa:

Bảng 3 HS (HS yếu). Nhận xét.

- Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét. - GV gắn chữ hoa O ở bảng. - Chữ hoa N có mấy nét, viết mấy ô li?	Quan sát. 1 nét con kín, viết 5 ô li
- Hướng dẫn cách viết. - GV viết mẫu và nêu quy trình viết. - Hướng dẫn HS viết bảng con. Theo dõi, uốn nắn.	Quan sát. Quan sát. Bảng con.
3- Hướng dẫn HS viết chữ Ong: - Cho HS quan sát và phân tích chữ chữ Ong . - GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết. - Hướng dẫn HS viết.	HS trả lời. Quan sát. Bảng con.
4- Hướng dẫn cách viết cụm từ ứng dụng: - Giới thiệu cụm từ ứng dụng. - Chia nhóm thảo luận về nội dung và cấu tạo các con chữ. - GV viết mẫu, hướng dẫn cách viết.	HS đọc. 4 nhóm. Đại diện trả lời. Nhận xét.
5- Hướng dẫn HS viết vào vở TV: Hướng dẫn HS viết theo thứ tự: - 1 dòng chữ O cỡ vừa. - 1 dòng chữ O cỡ nhỏ. - 1 dòng chữ Ong cỡ vừa. - 1 dòng chữ Ong cỡ nhỏ. - 1 dòng câu ứng dụng.	HS viết vở.
6- Chấm bài: 5- 7 bài. Nhận xét.	
III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò - Gọi HS viết lại chữ O – Ong . - Về nhà luyện viết thêm – Chuẩn bị bài sau - Nhận xét.	Bảng (HS yếu)

TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 16
CÁC THÀNH VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG

A- Mục tiêu:

- Các thành viên trong nhà trường: HT, PHT, GV, các nhân viên khác và HS.
- Công việc của từng thành viên trong nhà trường và vai trò của họ đối với trường học. Yêu quý và kính trọng các thành viên trong nhà trường.

B- Đồ dùng dạy học: Hình vẽ SGK/34, 35. Một số tấm bìa ghi tên các thành viên trong nhà trường.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Trường em tên gì? Và nói địa chỉ nơi trường đóng? Mô tả cảnh quan của trường em?

HS trả lời.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm trước các em đã học bài “Trường học”. Vậy trong trường học, ngoài các phòng làm việc và phòng học còn có gì? Hôm nay các em sẽ học tiếp bài... → Ghi.

2- Hoạt động 1: Làm iệc với SGK.

- Bước 1: Làm việc theo nhóm.

Hướng dẫn HS quan sát hình trang 34, 35.

Gắn các tấm bìa vào cho phù hợp.

Nói từng công việc của từng thành viên trong hình và vai trò của họ đối với trường học → Gọi HS trình bày.

3- Hoạt động 2: Thảo luận về các thành viên và công việc của họ trong trường của mình.

- Bước 1: HS hỏi và trả lời trong nhóm của mình về:

Trong trường bạn biết những thành viên nào và họ làm những công việc gì?

Nói về tình cảm của bạn đối với các thành viên đó.

Để thực hiện lòng yêu quý và kính trọng đối với các thành viên trong nhà trường bạn sẽ làm gì?

- Bước 2: Gọi HS trả lời.

*Kết luận: SGK/57.

3- Hoạt động 3 (3 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: “Đó là ai?” – SGK/57.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

4 nhóm.
Quan sát.
Gắn.

ĐD trả lời.

ĐD trả lời.

Thứ năm ngày 20 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết: 79.

THỰC HÀNH XEM LỊCH

A- Mục tiêu:

- Rèn kỹ năng xem lịch tháng (nhận biết thứ, ngày, tháng trên lịch).

- Củng cố nhận biết về đơn vị đo thời gian: ngày, tháng, tuần lễ,...Củng cố biểu tượng về thời gian: thời điểm và khoảng thời gian.

- HS yếu: biết xem lịch tháng.

B- Đồ dùng dạy học: Tờ lịch tranh tháng 1 và tháng 4 năm 2004.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 1/82.

Nhận xét- Ghi điểm.

Bảng lớp (1HS).

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết toán hôm nay sẽ rèn kỹ năng xem lịch tháng cho các em → Ghi.

2- Thực hành xem lịch:

- BT 1/83: Hướng dẫn HS làm.

Thứ tự điền: 2, 4, 6, 7, 8, 10, 11, 12, 15, 16, 17, 19, 20, 22, 23, 24, 25, 26, 28, 29, 30.

- BT 2/83: Gọi HS đọc yêu cầu bài:

a) Hướng dẫn HS làm theo nhóm.

b) Hướng dẫn HS làm:

Tháng 4 có 4 ngày thứ bảy, đó là các ngày: 2, 9, 16, 23.

Thứ năm tuần này là ngày 22/4. Thứ năm tuần trước là ngày 16/4. Thứ năm tuần sau là ngày 29/4.

III- Hoạt động 3: củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 2c/83.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng con.
Bảng lớp (HS yếu làm).

Cá nhân.
4 nhóm.
ĐD trình bày.
Nhận xét.
Làm vở.

2 nhóm.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 16
TỪ CHỈ TÍNH CHẤT. CÂU KIỂU: AI THẾ NÀO?
TỪ NGỮ VỀ VẬT NUÔI

A- Mục đích yêu cầu:

- Bước đầu hiểu từ trái nghĩa. Biết dùng từ ngữ trái nghĩa làm tính từ để đặt những câu đơn giản theo kiểu: Ai (cái gì, con gì) thế nào? Mở rộng vốn từ về vật nuôi.

- HS yếu: hiểu được từ trái nghĩa. Mở rộng vốn từ về vật nuôi.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 3/64.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích, yêu cầu của bài → Ghi.

2- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/66: Gọi HS đọc yêu cầu

Ngoan – hư.

Nhanh – chậm.

Bảng (1HS).

Cá nhân.
Bảng con.
Bảng lớp (HS yếu làm).

Trắng – đen.

Cao – thấp.

Khỏe – Yếu.

- BT 2/66: Hướng dẫn HS làm.

+Bé Nga ngoan lắm.

Con Cún rất hư!

+Bạn Hùng chạy nhanh như sóc.

Sên bò chậm ơi là chậm!

+Chiếc áo rất trắng.

Tóc bạn Lan rất đen.

+Cây cau này rất cao.

Cái bàn này thấp quá.

+Con voi rất khỏe.

Ông em yếu hơn trước.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 3/67.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

4 nhóm.

ĐD làm.

3 nhóm. Nhận xét

CHÍNH TẢ (NV). Tiết: 32
TRÂU OI

A- Mục đích yêu cầu:

- Nghe, viết chính xác bài ca dao 42 tiếng thuộc thể thơ lục bát.

- Từ đoạn viết củng cố cách trình bày một bài thơ lục bát.

- Tìm và viết đúng những tiếng có âm vần, thanh dễ lẫn: **ao/au; ?/~**.

- HS yếu: có thể cho HS tập chép, trình bày đúng bài thơ.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: múi

bưởi, tàu thủy, quả núi,...

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết chính tả hôm nay các em sẽ nghe và viết lại chính xác bài ca dao “Trâu ơi” → Ghi.

2- Hướng dẫn nghe viết:

- GV đọc bài ca dao.

+Bài ca dao là lời ai nói với ai?

+Tình cảm của người nông đối với con trâu ntn?

Bảng con.

2 HS đọc lại.

Người nông dân nói với con trâu.

Rất yêu quý, tâm tình như một người bạn của

- + Bài ca dao có mấy dòng?
- + Chữ đầu mỗi dòng viết ntn?
- + Bài ca dao viết theo thể thơ nào?
- + Nên bắt đầu viết từ ô nào trong vở?

- Luyện viết từ khó: Trâu, ruộng, cây cà, gia, quản công, ngoài,...
- GV đọc từng câu đến hết.
- GV đọc lại.
- Hướng dẫn chấm lỗi chính tả.

3- Chấm bài: 5- 7 bài.

4- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/68: Hướng dẫn HS làm.
Lao – lau; cháo – cháu.
Nhao – nhau; đao – đau.
Sao – sau; rao – rau...
- BT 2b/68: Gọi HS đọc yêu cầu.
- b) Hướng dẫn HS làm:
Nghỉ ngơi – Ngã ba.
Vây cá – Đổ xanh.

III- Hoạt động 3 (5 phút): củng cố- Dặn dò.

- Cho HS viết: quản công, ngã ba.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

mình.
6 dòng.
Viết hoa.
Lục bát.
Dòng đầu 3 ô,
dòng thứ 2 bắt
đầu viết 2 ô.
Bảng con.

Viết vở. HS yếu
tập chép.
HS dò lỗi.
Đổi vở chấm.

4 nhóm.

Cá nhân.
Làm vở.
Làm bảng (HS
yếu làm). Nhận
xét. Đổi vở chấm.

Bảng con.

ĐẠO ĐỨC. Tiết: 16 GIỮ TRẬT TỰ VỆ SINH NƠI CÔNG CỘNG

A- Mục tiêu:

- Giúp HS hiểu được lý do cần giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng.
- Biết giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng.
- Tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành những quy định về trật tự vệ sinh nơi công cộng. Đồng tình ủng hộ các hành vi giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng.
- Thực hiện một số việc cần làm để giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng. Không làm những việc ảnh hưởng đến trật tự vệ sinh nơi công cộng.

B- Đồ dùng dạy học: Tranh hoạt động 1/SGK, phiếu thảo luận.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: trả lời câu hỏi:

- Giữ gìn trường lớp sạch đẹp mang lại lợi ích gì?
- Muốn giữ gìn trường lớp sạch đẹp em cần làm gì?

Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Khi đến nơi công cộng chúng ta cần phải làm gì? Bài Đạo đức hôm nay các em sẽ học được điều đó
→ Ghi.

2- Hoạt động 1: Quan sát tranh và bày tỏ thái độ:

- Nam và các bạn lần lượt mua vé vào xem phim.
- Sau khi ăn quà xong, Lan và Hoa cùng bỏ vào thùng rác ngay.
- Đi học về Sơn và Hải không về nhà ngay mà còn rủ các bạn chơi đá bóng dưới lòng đường.
- Nhà ở tầng 4, Tuấn rất ngại đi đổ rác và nước thải, có hôm cậu đổ 1 chậu nước từ tầng 4 xuống dưới.

*Kết luận: Cần phải giữ gìn trật tự vệ sinh nơi công cộng.

3- Hoạt động 2: Xử lý tình huống.

Yêu cầu các nhóm thảo luận đưa ra cách xử lý tình huống.

Nhóm 1, 3:

Mẹ bảo Lan mang rác ra đầu ngõ đổ. Em định đi nhưng thấy vài túi rác trước sân mà xung quanh lại không có ai. Nếu em là bạn Lan thì em sẽ làm gì?

Nhóm 2, 4:

Đang giờ kiểm tra cô giáo không có ở lớp, Nam đã làm xong bài nhưng không biết có làm đúng hay sai. Nam rất muốn trao đổi bài với các bạn xung quanh. Nếu em là Nam em có làm như vậy không? Vì sao?

*Kết luận: Chúng ta cần phải giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng mọi lúc, mọi nơi.

4- Hoạt động 3: Thảo luận cả lớp.

- Lợi ích của việc giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng là gì?

*Kết luận: Giữ trật tự vệ sinh, nơi công cộng là điều cần thiết.

III- Hoạt động 3 (3 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Để giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng các em cần làm gì và tránh làm những việc gì?
- Về nhà các em cần thực hiện đúng những điều đã học-

Trả lời (2 HS).

Nhận xét.

4 nhóm.

Đúng → Giữ trật tự.

Đúng → Giữ vệ sinh sạch sẽ.

Sai → Nguy hiểm.

Sai → Lỡ may đổ vào người đi đường.

ĐD trình bày.

Nhận xét.

4 nhóm (sắm vai)

ĐD sắm vai.

Nhận xét, bổ sung.

HS nhắc lại.

Giúp cho quang cảnh đẹp, thoáng mát.

HS trả lời.

Nhận xét.


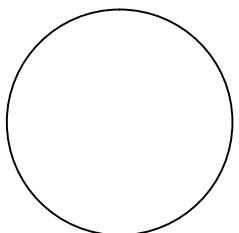

THỂ DỤC. Tiết: 31
TRÒ CHƠI: “VÒNG TRÒN” VÀ “NHÓM BA NHÓM BẢY”

A- Mục tiêu:

- Ôn 2 trò chơi “Vòng tròn” và “Nhóm ba nhóm bảy”. Yêu cầu biết cách chơi và tham gia chơi tương đối chủ động.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, kẻ sẵn vòng tròn.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
I- Phần mở đầu: - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Giậm chân tại chỗ. - Xoay khớp cổ chân, đầu gối.	7 phút	X 
II- Phần cơ bản: - Trò chơi “Vòng tròn”. - Hướng dẫn HS chơi. - Trò chơi: “Nhóm ba nhóm bảy”. - GV nêu tên trò chơi, nhắc lại cách chơi. Hướng dẫn HS chơi.	20 phút	
III- Phần kết thúc: - Đứng tại chỗ vỗ tay và hát. - Cuối lắc người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét.	8 phút	X 

Thứ sáu ngày 21 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết: 80
LUYỆN TẬP CHUNG

A- Mục tiêu:

- Cùng cố nhận biết về các đơn vị đo về thời gian: ngày, giờ; ngày, tháng.
- Cùng cố kỹ năng xem giờ đúng, xem lịch tháng.
- HS yếu: biết kỹ năng xem giờ, xem lịch.

B- Đồ dùng dạy học: Tờ lịch tháng 5, mô hình đồng hồ.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: GV đưa tờ lịch, hỏi HS ngày, tháng trên lịch.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

2- Luyện tập chung:

- BT 1/84: Hướng dẫn HS làm:

a) Câu 1: đồng hồ thứ 3.

Câu 2: đồng hồ thứ 1.

Câu 3: đồng hồ thứ 4.

Câu 4: đồng hồ thứ 2.

- BT 2/84: Hướng dẫn HS làm:

Thứ tự viết: 3, 4, 9, 10, 13, 14, 15, 18, 19, 20, 21, 24, 25, 28, 29.

b) GV treo tờ lịch:

Ngày 1 tháng 5 là thứ mấy?

Tháng 5 có bao nhiêu ngày thứ 7? Đó là những ngày nào?

Thứ 3 tuần này là ngày 11 tháng 5; Thứ 3 tuần sau là ngày mấy?

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Tháng 5 có bao nhiêu ngày?

- Ngày 31 tháng 5 là thứ mấy?

- 22 giờ là mấy giờ đêm?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Chi và nói (2 HS)

Làm vở.

4 HS đọc bài làm.

Nhận xét. Tự
chấm.

Bảng con. Bảng
lớp (HS yếu làm).

Quan sát.

HS trả lời.

18

HS trả lời.

TẬP LÀM VĂN. Tiết: 16

KHEN NGỢI. KỂ NGẮN VỀ CON VẬT. LẬP THỜI GIAN BIỂU

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết nói lời khen ngợi, biết kể về một vật nuôi.

- Biết lập thời gian biểu trong 1 ngày.

- HS yếu: Biết nói lời khen ngợi, biết kể về một vật nuôi.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: BT 2/63.

Nhận xét- Ghi điểm.

3 HS đọc lại.

Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết TLV hôm nay sẽ hướng dẫn các em biết nói lời khen ngợi, kể về một vật nuôi, biết lập thời gian biểu trong 1 ngày → Ghi.

2- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/69: Gọi HS đọc yêu cầu bài. Hướng dẫn HS làm miệng.

a) Chú Cường mới khỏe làm sao!

Chú Cường khỏe quá!

b) Lớp mình hôm nay mới sạch làm sao!

Lớp mình hôm nay sạch quá!

Bạn Nam học mới giỏi làm sao!

Bạn Nam học giỏi thật!

- BT 2/69: Gọi HS đọc yêu cầu bài. Hướng dẫn HS làm.

Gọi 1 HS giỏi làm miệng. Nhận xét.

VD: Nhà em nuôi một con mèo rất ngoan và rất xinh. Bộ lông màu trắng, mắt nó tròn xanh biếc. Nó đang tập bắt chuột. Khi em ngủ, nó thường đến sát bên em để nằm, em cảm thấy rất dễ chịu.

- BT 3/69: Hướng dẫn HS làm:

Cho HS đọc lại thời gian biểu buổi tối của bạn Phương Thảo SGK/132. Hướng dẫn HS lập đúng như trong thực tế. Gọi HS đọc thời gian biểu của mình.

Nhận xét- Ghi điểm.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Gọi HS đọc lại thời gian biểu hợp lý.

- Về nhà thực hành theo thời gian biểu của mình- Nhận xét.

Cá nhân.

HS đặt câu mới.

Gọi 1 vài HS yếu

đặt câu.

Cá nhân.

Miệng (gọi 1- 2

HS yếu làm)

Nói tiếp.

Làm vở.

Đọc thầm.

HS lập. Đọc bài

của mình. Nhận

xét. Bổ sung.

Cá nhân.

THỂ DỤC. Tiết: 32

TRÒ CHƠI: “NHANH LÊN BẠN ƠI” VÀ “VÒNG TRÒN”


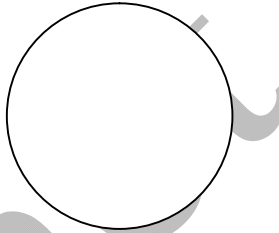

A- Mục tiêu:

- Ôn 2 trò chơi “Nhanh lên bạn ơi” và “Vòng tròn”. Yêu cầu chơi tương đối chủ động.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, kẻ sẵn vòng tròn.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
----------	------------	---------------------

<p>I- Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Vỗ tay và hát. - Ôn các động tác: tay, chân, lườn, bụng, toàn thân và nhảy. 	<p>7 phút</p>	<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 
<p>II- Phần cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn trò chơi “Nhanh lên bạn ơi”: 2- 3 lần. - Nhắc lại cách chơi. Lần 1: Chơi thử. Lần 2, 3: Chơi chính thức. - Ôn trò chơi “Vòng tròn”. - Chơi có kết hợp vần điệu. 	<p>20 phút</p>	
<p>III- Phần kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuối người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - Đứng vỗ tay và hát. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét. 	<p>8 phút</p>	<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 

SINH HOẠT LỚP TUẦN 16:

A- Mục tiêu:

1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 15:

a)- Ưu:

- Đa số các em đi học đều, đúng giờ.
- Học tập có tiến bộ ở một số em.
- Tập trung ôn tập để chuẩn bị thi cuối HKI.
- Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.
- Ra vào lớp xếp hàng nghiêm túc.
- Chữ viết có tiến bộ.

b)- Khuyết:

- Còn 1 vài em chưa biết vâng lời (Tuấn,...)
- Trình bày vở chưa sạch, đẹp (Đặng, Duy...).
- Nộp các khoản tiền còn chậm.

2- Mục tiêu:

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 09/01.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

B- Nội dung:

1- Hoạt động trong lớp:

- Ngày 09/01/1950: ngày truyền thống học sinh – sinh viên.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.
- GV hát mẫu → hát từng câu.
- Hát cả bài.

2- Hoạt động ngoài trời:

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.
- Chơi trò chơi: Đi chợ, vòng tròn, bỏ khăn và chim sỏ lông.

C- Phương hướng tuần 17:

- Tiếp tục phong trào rèn chữ cho HS.
- Tiếp tục thu các khoản tiền.
- Duy trì phong trào “Đôi bạn cùng tiến”.
- Giáo dục cho HS tác phong nhanh nhẹn.

hoc360.net

TUẦN 17:

Thứ hai ngày 24 tháng 12 năm 20...

TẬP ĐỌC. Tiết: 49 + 50
TÌM NGỌC

A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trơn cả bài. Biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy.
- Biết đọc truyện bằng giọng kể nhẹ nhàng, tình cảm...
- Hiểu nghĩa các từ mới: Long Vương, thợ kim hoàn...
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện. Khen ngợi những vật nuôi trong nhà tình nghĩa, thông minh, thực sự là bạn của con người.
- HS yếu: Đọc trơn cả bài. Biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy.

B- Các hoạt động dạy học: Tiết 1:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS đọc và trả lời câu hỏi bài “Thời gian biểu”.
Đọc và trả lời câu hỏi (2 HS).

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (70 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tuần này, tiếp tục chủ điểm “Bạn trong nhà”, các em sẽ làm quen 2 con vật rất thông minh, tình nghĩa là chó và mèo trong truyện “Tìm ngọc” → Ghi.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Gọi HS đọc từng câu đến hết.
- Hướng dẫn HS đọc từ khó: nuốt, ngoạm, rắn nước, Long Vương, đánh tráo.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn đến hết → Từ mới.
- Hướng dẫn cách đọc.
- Hướng dẫn đọc từng đoạn.

Nói tiếp.

Nói tiếp.

Gọi HS yếu đọc nhiều.

Theo nhóm.

Nhận xét.

Đồng thanh.

- Thi đọc giữa các nhóm.

- Nhận xét- Ghi điểm.

- Hướng dẫn đọc cả lớp.

Tiết 2:

3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:

- Do đâu chàng trai có viên ngọc quý?
- Ai đánh tráo viên ngọc?
- Mèo và chó đã làm cách nào để lấy lại viên ngọc?

Cứu con rắn nước.

Một người thợ kim hoàn.

Mèo bắt chuột đi tìm. Chó rình bên

- Tìm trong bài những từ khen ngợi Mèo và Chó?
- Gọi HS đọc lại toàn bài.

4- Luyện đọc lại:

- Cho HS thi đọc lại truyện.
- Nhận xét, tuyên dương nhóm thắng.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Qua câu chuyện em hiểu điều gì?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

sông. Mèo nằm phơi bụng chờ quạ xà xuống. Thông minh, tinh nghĩa. Cá nhân. Nhận xét.

3 nhóm đọc. Nhận xét cách đọc.

Chó và mèo là những vật nuôi trong nhà rất thông minh, tinh nghĩa.

TOÁN. – Tiết: 81 ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

A- Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố về cộng trừ nhẩm và cộng trừ viết.
- Củng cố về giải toán dạng nhiều hơn, ít hơn một đơn vị.
- HS yếu: biết cách cộng trừ nhẩm và giải toán.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 3/85.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Ôn tập:

- BT 1/86: Hướng dẫn HS nhẩm.

$$8 + 9 = 17$$

$$9 + 8 = 17$$

$$17 - 8 = 9$$

$$17 - 9 = 8$$

$$5 + 7 = 12$$

$$7 + 5 = 12$$

$$12 - 5 = 7$$

$$12 - 7 = 5$$

- BT 2/86: Hướng dẫn HS làm.

26

92

33

81

Bảng (1 HS)

Miệng.
Nêu nối tiếp.

Bảng con 2 pt.
Làm vở, làm

18	45	49	66	bảng (HS yếu). Nhận xét. Đổi vở chấm. 4 nhóm. ĐD trình bày. Nhận xét, bổ sung.
8	47	82	15	
- BT 3/86: Hướng dẫn HS làm:				Cá nhân. Gọi HS yếu trả lời. Giải vở. Giải bảng. Nhận xét. Tự chấm vở.
a) $9 + 1 = 10$ $10 + 5 = 15$ $9 + 6 = 15$				
b) $6 + 4 = 10$ $10 + 1 = 11$ $6 + 5 = 11$				2 nhóm chơi. Nhận xét
- BT 4/86: Gọi HS đọc đề. Lan có bao nhiêu que tính? Hoa nhiều hơn Lan bao nhiêu que tính? Tóm tắt: Lan: 34 que tính. Hoa: nhiều hơn Lan 18 qt. Hoa: ? que tính.				
Giải: Số que tính của Hoa vót là: $34 + 18 = 52$ (qt) ĐS: 52 que tính.				
III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dẫn dò.				
- Trò chơi: BT 5/86. - Về nhà xem lại bài- Nhận xét.				

Thứ ba ngày 25 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết: 82

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tt)

A- Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố về cộng trừ nhẩm và cộng trừ viết.
- Củng cố về giải toán dạng nhiều hơn, ít hơn một đơn vị.
- HS yếu: biết cộng trừ và giải toán.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm.

81	26
66	18
15	52

- BT 4/86.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Ôn tập (tt):

- BT 1/87: Hướng dẫn HS nhẩm.

$14 - 9 = 5$	$8 + 8 = 16$
--------------	--------------

Bảng (3 HS)

Miệng.

$16 - 7 = 9$ $12 - 6 = 6$		$11 - 5 = 6$ $13 - 6 = 7$	Nêu nối tiếp.
- BT 2/87: Hướng dẫn HS giải.			Làm bảng (HS yếu làm) Nhận xét. Bổ sung.
47	100	90	35
36	22	58	65
83	78	32	100
- BT 3/87: Hướng dẫn HS làm:			4 nhóm. ĐD trình bày. Nhận xét, bổ sung. Tuyên dương.
a) $12 - 4 = 8$ $12 - 6 = 6$	$8 - 2 = 6$		Cá nhân. Gọi HS yếu trả lời. Giải vở. 1 HS giải bảng. Nhận xét. Đổi vở chấm.
b) $14 - 3 = 11$ $14 - 8 = 6$	$11 - 5 = 6$		HS trả lời.
- BT 4/87: Gọi HS đọc đề. Buổi sáng bán được bao nhiêu lít? Buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng bao nhiêu lít?			
Tóm tắt: Sáng: 64 lít. Chiều: ít hơn 18 lít. Chiều: ? lít.		Giải: Số lít buổi chiều bán là: $64 - 18 = 46$ (l) ĐS: 46 lít.	
III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dẫn dò.			
$16 - 7 = ?$ $8 + 8 = ?$		$18 - 9 = ?$ $7 + 7 = ?$	
- BTVN: BT 5/87. - Về nhà xem lại bài- Nhận xét.			

CHÍNH TẢ (NV). Tiết: 33
TÌM NGỌC

A- Mục đích yêu cầu:

- Nghe, viết chính xác, trình bày đúng đoạn văn tóm tắt nội dung truyện “Tìm ngọc”. Làm đúng các bài tập phân biệt: **ui/uy, r, d/gi**.
- HS yếu: có thể cho tập chép.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: ngoài ruộng, nổi nghiệp, quản công...
Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết CT hôm nay các em sẽ nghe và viết chính xác đúng đoạn văn tóm tắt nội dung truyện “Tìm

Bảng con.
Nhận xét.

ngọc” → Ghi.

2- Hướng dẫn HS nghe viết:

- GV đọc mẫu đoạn viết.

+Chữ đầu đoạn viết ntn?

- Hướng dẫn viết từ khó: Long Vương, mưu mẹo, tình nghĩa,

...

- Gv đọc từng câu đến hết.

- Hướng dẫn HS dò lỗi.

*Chấm bài: 5- 7 bài.

3- Hướng dẫn HS làm bài tập:

- BT 1/70: Gọi HS đọc yêu cầu

Thủy cung, ngọc quý, ngậm ngùi, an ủi, chui, vui.

- BT 2/71: Hướng dẫn HS làm:

Rừng núi, dừng lại, cây giang, rang tôm.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Cho HS viết lại: viên ngọc.

- Về nhà luyện viết thêm- Nhận xét.

2 HS đọc lại.

Hoa, lúi vào 1 ô.

Bảng con.

HS viết vào vở
(HS yếu tập
chép).

Đổi vở dò lỗi.

Cá nhân.

Làm vở. Làm

bảng (HS yếu).

Nhận xét, bổ
sung.

2 nhóm.

ĐD làm. Nhận

xét. Tuyên dương

Bảng.

**KỂ CHUYỆN. Tiết: 17
TÌM NGỌC**

A- Mục đích yêu cầu:

- Dựa vào trí nhớ và tranh minh họa câu chuyện kể lại được từng đoạn câu chuyện “Tìm ngọc” một cách tự nhiên.

- Chăm chú theo dõi bạn kể chuyện, biết đánh giá lời kể của bạn.

- HS yếu: biết kể được ít nhất một đoạn câu chuyện.

B- Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa truyện “Tìm ngọc” trong SGK.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Con chó nhà hàng xóm.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Các em sẽ dựa vào tranh và bài tập đọc đã học để kể lại từng đoạn câu chuyện “Tìm ngọc” → Ghi.

Nói tiếp kể.

2- Hướng dẫn kể chuyện:

- Gọi HS đọc yêu cầu 1.
- Hướng dẫn HS quan sát 6 tranh minh họa trong SGK, nhớ lại nội dung từng đoạn truyện.

- Gọi HS kể.
- Yêu cầu HS kể nối tiếp 6 đoạn của câu chuyện.
- Bình chọn HS, nhóm kể chuyện hay nhất.

III- Hoạt động 3: Cùng cố- Dẫn dò.

- Qua câu chuyện em hiểu được điều gì?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

THỦ CÔNG. Tiết: 17.

GẤP, CẮT, DÁN BIỂN BÁO GIAO THÔNG CẤM ĐỖ XE

A- Mục tiêu:

- HS biết gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Gấp, cắt, dán được biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Có ý thức chấp hành luật lệ giao thông.

B- Chuẩn bị:

- Hình mẫu biển báo cấm đỗ xe.
- Quy trình gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Giấy màu, kéo, hồ, thước...

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: kiểm tra sự chuẩn bị của HS

Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết TC hôm nay các em tiếp tục học cách gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe → Ghi.

2- Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:

- GV giới thiệu hình mẫu biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Nêu sự giống nhau và khác nhau về kích thước, màu sắc các bộ phận của biển báo giao thông cấm đỗ xe với những biển báo giao thông đã học?

3- Hướng dẫn mẫu:

- Bước 1: Gấp, cắt biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Gấp, cắt hình tròn màu đỏ từ hình vuông có cạnh 6 ô.

Cá nhân.

Kể trong nhóm (HS yếu kể một đoạn).

ĐD kể.

2 nhóm kể (12 HS). Nhận xét.

Chó, mèo là những vật nuôi trong nhà rất tình nghĩa, thông minh.

Quan sát.
HS nêu.

Quan sát.

Gấp, cắt hình tròn màu xanh từ hình vuông có cạnh 4 ô.
Cắt hình chữ nhật màu đỏ có chiều dài 4 ô, chiều rộng 1 ô.
Cắt hình chữ nhật màu khác có chiều dài 1 ô, chiều rộng 1 ô làm chân biển báo.

- Bước 2: Dán biển báo cắm đồ xe.

Dán chân biển báo.

Dán hình tròn màu đỏ chồm lên chân biển báo.

Dán hình tròn màu xanh ở giữa hình tròn màu đỏ.

Dán chéo hình chữ nhật màu đỏ vào giữa hình tròn xanh.

4- Hướng dẫn HS thực hành theo nhóm:

Hướng dẫn HS làm.

Nhận xét.

III- Hoạt động 3 (3 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Gọi HS nêu lại các bước gấp, cắt biển báo giao thông cắm đồ xe.

- Về nhà tập gấp, cắt biển báo giao thông cắm đồ xe- Nhận xét.

Quan sát.

Thực hành 4 nhóm.

HS nêu.

Thứ tư ngày 26 tháng 12 năm 20...

TẬP ĐỌC. Tiết: 51 GÀ “TỈ TÊ” VỚI GÀ

A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trơn cả bài. Biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy.

- Bước đầu biết đọc với giọng kể tâm tình...

- Hiểu nghĩa các từ khó: tỉ tê, tín hiệu, xông xáo, hớn hờ,...

- Hiểu nội dung bài: Loài gà cũng biết nói với nhau, có tình cảm với nhau, che chở, bảo vệ, yêu thương nhau như con người.

- HS yếu: Đọc trơn cả bài. Biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1(5 phút): kiểm tra bài cũ: “Tìm ngọc”.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Loài gà cũng biết nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ riêng của chúng. Chúng cũng có tình cảm, biết thể hiện tình cảm với nhau chẳng khác gì con người. Bài tập đọc hôm nay các em sẽ thấy điều đó → Ghi.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.

- Hướng dẫn HS đọc từng câu đến hết.

- Hướng dẫn HS đọc từ khó: gấp gáp, roóc roóc, nói chuyện,

Đọc và trả lời câu hỏi (2 HS).

Nói tiếp.

Cá nhân, đồng

nững nịu, liên tục...

- Hướng dẫn cách đọc.
- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.
- Rút từ mới, giải nghĩa.
- Hướng dẫn đọc từng đoạn theo nhóm.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Hướng dẫn đọc cả lớp.

3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:

- Gà con biết trò chuyện với mẹ từ khi nào?
- Khi đó gà mẹ nói chuyện với gà con bằng cách nào?

- Gà mẹ báo cho con biết không có gì nguy hiểm bằng cách nào?
- Cách gà mẹ báo cho con biết “Lại đây mau các con, có mồi ngon lắm”?

- Cách gà mẹ báo tin cho con biết tai họa sắp mau?

4- Luyện đọc lại:

- Cho HS đọc thi theo nhóm.

III- Hoạt động 3(5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Bài văn giúp em hiểu điều gì?

- Về nhà luyện đọc thêm- Nhận xét.

thanh.

Nói tiếp.

4 nhóm (HS yếu đọc nhiều).

Cá nhân.

Đồng thanh.

Nằm trong trứng.

Gà mẹ gõ mỏ lên

vỏ trứng, gà con

phát tín hiệu

nững nịu đáp lại.

Kêu đều đều

“Cúc, cúc, cúc..”

Vừa bới vừa kêu

nhanh “Cúc, cúc,

cúc...”.

Xù lông, miệng

kêu liên tục, gáp

gáp “roóc roóc...”

2 nhóm đọc.

Nhận xét.

Gà cũng biết nói

bằng ngôn ngữ

của riêng chúng.

TOÁN. Tiết: 83

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tt)

A- Mục tiêu:

- Củng cố về cộng trừ nhẩm trong phạm vi bảng tính và cộng trừ viết trong phạm vi 100.
- Củng cố về tìm thành phần chưa biết của phép cộng và phép trừ.
- Củng cố về giải toán và nhận dạng hình tứ giác.

- HS yếu: biết cộng trừ trong phạm vi 100, nhận dạng hình.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1(5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm.

100	35
22	65
78	100

Bảng (3 HS)

- BT 4/87.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Ôn tập (tt):

- BT 1/88: Hướng dẫn HS làm.

$7 + 5 = 12$	$4 + 9 = 13$
$5 + 7 = 12$	$9 + 4 = 13$
$12 - 8 = 8$	$11 - 9 = 2$
$14 - 7 = 7$	$17 - 9 = 8$

Miệng.
Nêu nối tiếp.
Nhận xét.

- BT 2/88: Gọi HS đọc yêu cầu.

39	100	45	100
25	88	55	4
64	12	100	96

Cá nhân.
Bảng con 2 pt.
Làm vở, làm bảng (HS yếu).
Nhận xét. Đổi vở chấm.
3 nhóm.

- BT 3/88: Hướng dẫn HS làm:

$x + 17 = 45$	$x - 26 = 34$
$x = 45 - 17$	$x = 34 + 26$
$x = 28$	$x = 60$

- BT 4/88: Gọi HS đọc đề.

Bao xi măng nặng bao nhiêu kg? Thùng sơn nhẹ hơn bao xi măng bao nhiêu kg?

Tóm tắt:

Xi măng: 50 kg.
Thùng sơn: nhẹ hơn 28 kg.
Thùng sơn: ? kg.

Giải:

Số ki-lô- gam thùng sơn nặng là:
 $50 - 28 = 22$ (kg)
ĐS: 22 kg.

Cá nhân.
Gọi HS yếu trả lời.
Giải vở.
Giải bảng.
Nhận xét.
Tự chấm vở.

III- Hoạt động 3(5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 5/88.

2 nhóm chơi.
Nhận xét.
Tuyên dương.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

TẬP VIẾT. Tiết: 17
CHỮ HOA Ô, Ơ

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết viết chữ hoa Ô, Ơ theo cỡ chữ vừa và nhỏ.
- Biết viết ứng dụng cụm từ: "Ôn sâu nghĩa nặng" theo cỡ nhỏ, viết chữ đúng mẫu, đẹp.
- Viết đúng kiểu chữ, khoảng cách giữa các chữ, đều nét, nổi chữ đúng quy định và viết đẹp.

B- Đồ dùng dạy học:

Mẫu chữ viết hoa Ô, Ơ.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): Kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: O, Ong.

Nhận xét - Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em viết chữ hoa Ô, Ơ → ghi bảng.

2- Hướng dẫn viết chữ hoa:

- GV đính chữ mẫu lên bảng.
- Hướng dẫn HS nhận biết chữ hoa Ô, Ơ giống như chữ O, chỉ thêm các dấu phụ (ô có thêm mũ, ơ có thêm dấu râu).
- Hướng dẫn cách viết.
- GV viết mẫu và nhắc lại cách viết.
- Hướng dẫn HS viết chữ Ô, Ơ.

3- Hướng dẫn HS viết chữ Ôn:

- Cho HS quan sát và nhận xét.
- Chữ Ôn có bao nhiêu con chữ?
- Độ cao viết ntn?
- GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết.
- Nhận xét.

4- Hướng dẫn cách viết cụm từ ứng dụng:

- Giới thiệu cụm từ ứng dụng.
- Giải nghĩa cụm từ ứng dụng.
- Hướng dẫn HS thảo luận và phân tích nội dung cụm từ ứng dụng.

5- Hướng dẫn HS viết vào vở TV:

Hướng dẫn HS viết theo thứ tự:

- 1 dòng chữ Ô, Ơ cỡ vừa.
- 1 dòng chữ Ô, Ơ cỡ nhỏ.
- 1 dòng chữ Ôn cỡ vừa.

Bảng 3 HS (HS yếu). Nhận xét.

Quan sát.

Quan sát.

Quan sát.

Bảng con.

2 con chữ: Ô, n.

Ơ: 5 ôli; n: 2 ôli.

Quan sát.

Bảng con.

2 HS đọc.

4 nhóm. Đại diện trả lời. Nhận xét.

HS viết vở.

- 1 dòng chữ Ôn cỡ nhỏ.

- 1 dòng câu ứng dụng.

6- Chấm bài: 5- 7 bài. Nhận xét.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dặn dò

- Cho HS viết lại chữ **Ô, Ơ**.

- Về nhà luyện viết thêm – Chuẩn bị bài sau - Nhận xét.

Bảng (HS yếu)

TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 17 PHÒNG TRÁNH TẾ NGÃ KHI Ở TRƯỜNG

A- Mục tiêu:

- Kể tên những hoạt động dễ gây té ngã và nguy hiểm cho bản thân và cho người khác khi ở trường.

- Có ý thức trong việc chọn, chơi những trò chơi để phòng tránh té ngã khi ở trường.

B- Đồ dùng dạy học: Tranh, ảnh trong SGK/36, 37.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Trả lời câu hỏi:

+Kể tên các thành viên trong nhà trường?

+Công việc của từng thành viên trong nhà trường?

+Em phải có thái độ ntn đối với họ?

- Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Thường ngày khi đến trường các em thường chạy nhảy, nô đùa rất nguy hiểm. Hôm nay bài TNXH sẽ giúp các em tránh được điều đó → Ghi.

2- Hoạt động 1: Nhận biết các hoạt động nguy hiểm cần tránh.

- Bước 1: Động não.

Kể tên những hoạt động gây nguy hiểm ở trường?

GV ghi bảng.

- Bước 2: Làm việc theo cặp.

Treo hình 1 đến hình 4/36, 37.

Hướng dẫn HS quan sát hoạt động từng hình.

- Bước 3: Làm việc cả lớp.

Kể những hoạt động của bức tranh thứ nhất?

HS trả lời.

Đuổi bắt, chạy, nhảy, đu quay...

Quan sát chỉ và nói hoạt động của các bạn trong từng hình. Hoạt động nào dễ gây nguy hiểm.

Nhảy dây, đuổi

Kể những hoạt động của bức tranh thứ hai?

Bức tranh thứ ba vẽ gì?

Bức tranh thứ tư minh họa gì?

Trong những hoạt động trên, hoạt động nào dễ gây nguy hiểm?

Hậu quả xấu nào có thể xảy ra?

Nên học tập những hoạt động nào?

*Kết luận: SGK/74.

3- Hoạt động 2: Lựa chọn trò chơi bổ ích.

- Bước 1: Làm việc theo nhóm.

Hướng dẫn HS mỗi nhóm tự chọn một trò chơi.

- Bước 2: Làm việc cả lớp.

Nhóm em chơi trò gì?

+Em cảm thấy thế nào khi chơi trò này?

+Theo em trò chơi này có thể gây tai nạn cho bản thân và các bạn khác khi chơi không?

+Em cần lưu ý điều gì khi chơi trò này để khỏi xảy ra tai nạn?

III- Hoạt động 3 (3 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: “Nên và không nên làm để phòng tránh tai nạn khi ở trường?”.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

bắt, trèo cây, chơi bi,...

Nhoài người ra cửa sổ để hái hoa.

Một bạn trai đẩy một bạn khác trên cầu thang.

Các bạn lên xuống cầu thang theo lối ngay ngắn.

Đuổi bắt, trèo cây, nhoài người ra cửa sổ,...

Đuổi bắt → ngã

→ bị thương.

Bức tranh 4.

Chơi trong lớp.

Từng nhóm trả lời.

2 nhóm. ĐD làm.

Nhận xét.

Tuyên dương.

Thứ năm ngày 27 tháng 12 năm 20...

TOÁN. Tiết: 84

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

A- Mục tiêu:

- Cùng cố về tên gọi các hình đã học và nhận dạng hình. Vẽ đoạn thẳng có độ dài cho trước, xác định 3 điểm thẳng hàng.

- Tiếp tục củng cố về xác định vị trí các điểm trên lưới ô vuông trong vở HS để vẽ hình.

- HS yếu: biết cách nhận dạng hình và vẽ đoạn thẳng.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$60 - x = 20$$

$$x = 60 - 20$$

$$x = 40$$

71

53

18

Bảng (3 HS)>

- BT 4/88.

- Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu tiết học → Ghi.

2- Ôn tập:

- BT 1/89: Hướng dẫn HS làm: hình tam giác, hình vuông, hình chữ nhật.

HS trả lời miệng
Nhận xét, bổ sung.

- BT 2/89: Hướng dẫn HS làm:

Làm vở, làm bảng (HS yếu làm). Nhận xét.
Đổi vở chấm.

- BT 3/89: Hướng dẫn HS làm:

a) _____



2 nhóm.

b) 3 điểm thẳng hàng: A, B, C; M, N, P; M, I, P.

III- Hoạt động 3(5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/89.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

2 nhóm.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 17
TỪ NGỮ VỀ VẬT NUÔI. CÂU KIỂU: AI THẾ NÀO?

A- Mục đích yêu cầu:

- Mở rộng vốn từ: các từ chỉ đặc điểm của loài vật.
- Bước đầu biết thể hiện ý so sánh.
- HS yếu: mở rộng từ chỉ đặc điểm loài vật.

B- Đồ dùng dạy học: Tranh minh họa bài tập 1. Viết sẵn bài tập.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm: BT 1/66.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích, yêu cầu bài → Ghi.

2- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/70: Hướng dẫn HS làm:

GV treo tranh minh họa.

Gọi HS đọc yêu cầu.

Hướng dẫn HS làm:

Trâu khỏe, rùa chậm, chó trung thành, thỏ nhanh.

- BT 2/71: Hướng dẫn HS làm:

Mỗi nhóm 2 từ:

Cao như sáo.

Khỏe như trâu.

Nhanh như chớp.

Chậm như sên.

Hiền như đất.

Trắng như tuyết.

Xanh như tàu lá.

Đỏ như lửa.

- BT 3/71: Hướng dẫn HS làm:

Gọi HS đọc bài làm của mình.

Mắt con mèo nhà em tròn như hạt nhãn.

Toàn thân nó phủ một lớp lông màu tro mượt như tơ.

Hai tai nó nhỏ xíu như hai búp lá non.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Người ta thường nói: Nhanh như gì? Khỏe như gì?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Miệng (1 HS).

Miệng.

Cá nhân.

Làm bảng (HS yếu).

4 nhóm.

ĐD làm.

Nhận xét.

Bổ sung.

Làm vở.

Cá nhân.

Nhận xét.

Bổ sung.

HS trả lời.

CHÍNH TẢ (TC). Tiết: 34
GÀ “TỈ TÊ” VỚI GÀ

A- Mục đích yêu cầu:

- Chép lại chính xác, trình bày đúng một đoạn trong bài: Gà “tỉ tê” với gà. Viết đúng các dấu hai chấm, dấu ngoặc kép ghi lời của gà mẹ.
- Luyện viết đúng những âm, vần dễ lẫn: **au/ao, ec/et**.
- HS yếu: chép lại chính xác, trình bày đúng bài viết và viết đúng các dấu câu.

B- Đồ dùng dạy học: Bảng phụ chép sẵn nội dung đoạn viết. Bài tập.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: thủy cung, an ủi, rang tôm.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích, yêu cầu bài → Ghi.

2- Hướng dẫn tập chép:

- GV đọc toàn bộ đoạn chép.

+Đoạn văn nói điều gì?

+Cần dùng dấu câu nào để ghi lời gà mẹ?

- Luyện viết từ khó: dất, kiểng mồi, nguy hiểm, bới, thông thả

- Hướng dẫn HS nhìn bảng chép bài.

3- Chấm bài: 5- 7 bài.

4- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/72: Hướng dẫn HS làm:

Sau, gạo, sáo, xao, rào, báo, mau, chào.

- BT 2/72:

b) Hướng dẫn HS làm:

bánh tét – éc éc, - khét – ghét.

III- Hoạt động 3(5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Cho HS viết lại: dất, nguy hiểm, ghét.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng con.

2 HS đọc lại.
Cách gà mẹ báo tin cho gà con.
Dấu hai chấm và ngoặc kép.
Bảng con.
Chép bài vào vở.

Bảng con.
Nhận xét, bổ sung.
Làm vở, làm bảng (HS yếu làm). Nhận xét.
Tự chấm bài.

Bảng.

ĐẠO ĐỨC. Tiết: 17
GIỮ TRẬT TỰ VỆ SINH NỘI CÔNG CỘNG (T 2)

A- Mục tiêu:

- Vì sao cần phải giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng?
- Cần làm gì và tránh những việc gì để giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng. HS biết giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng.
- Có thái độ tôn trọng những quy định về trật tự vệ sinh nơi công cộng.

B- Tài liệu và phương tiện: dụng cụ lao động cho phương án 1.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ:

- Chúng ta có nên xả rác nơi công cộng không? Vì sao?
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng là gì?

Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu bài “Giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng” → Ghi.

2- Hoạt động 1: Tham gia giữ vệ sinh nơi công cộng.

- GV đưa HS đi dọn vệ sinh khu vực ở ngoài đường, mang theo dụng cụ cần thiết: chổi, sọt đựng rác, khẩu trang,...

- GV giao cho mỗi tổ làm vệ sinh một đoạn.

- Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá.

+Các em đã làm được những công việc gì?

+Giờ đây nơi công cộng này ntn?

+Em có hài lòng về công việc của mình không? Vì sao?

- Khen ngợi và cảm ơn những HS đã góp phần làm sạch đẹp nơi công cộng và việc làm này đã mang lại lợi ích cho mọi người, trong đó có chúng ta.

- Cho HS quay về lớp học.

III- Hoạt động 3 (3 phút): củng cố- Dặn dò.

- Chúng ta có nên đến những nơi công cộng để đánh nhau không? Vì sao?

- Giữ sạch vệ sinh nơi công cộng có lợi gì?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS trả lời.

4 tổ.

Thực hành.

Quét, hốt rác.

Sạch sẽ.

Có. Vì làm như vậy góp phần giữ sạch vệ sinh môi trường.

HS trả lời.

THỂ DỤC. Tiết: 33


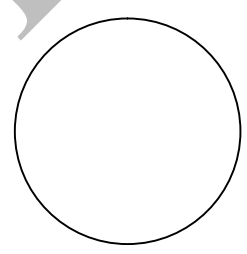

TRÒ CHƠI: “BỊT MẮT BẮT ĐÊ” VÀ “NHÓM BA NHÓM BẢY”

A- Mục tiêu:

- Ôn 2 trò chơi “Bịt mắt bắt dê” và “Nhóm ba nhóm bảy”. Yêu cầu chơi tương đối chủ động.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, khăn.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p>I- Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Xoay các khớp cổ tay, khớp chân,... - Chạy nhẹ nhàng trên 1 hàng dọc. - Đi thường theo vòng tròn và hít thở sâu. - Ôn các động tác: tay, chân, lườn, bụng, toàn thân và nhảy. 	7 phút	<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 
<p>II- Phần cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn trò chơi “Nhóm ba nhóm bảy”. - Xen kẽ giữa các lần chơi cho HS đi thường theo vòng tròn và hít thở sâu. - Ôn trò chơi “Bịt mắt bắt dê”. Tổ chức cho HS chơi với 3- 4 dê lạc đàn, 2- 3 người đi tìm 	20 phút	
<p>III- Phần kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập một số động tác hồi tĩnh. - Cuối người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét. 	8 phút	<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 

Thứ sáu ngày 28 tháng 12 năm 20..

TOÁN. Tiết: 85

ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG

A- Mục tiêu:

- Xác định về khối lượng. Xem lịch để biết số ngày trong mỗi tháng và các ngày trong tuần lễ. Xác định thời điểm.

- HS yếu: xác định về khối lượng, xem lịch, xác định thời điểm.

B- Đồ dùng dạy học: Cân đồng hồ, tờ lịch, đồng hồ để bàn.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm: BT 2/89.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Ôn tập:

- BT 1/90: Hướng dẫn HS làm: 3 kg, 4 kg, 30 kg.

- BT 2/90: Hướng dẫn HS làm.

a) Tháng 10 có 31 ngày, có 4 ngày chủ nhật là các ngày: 5, 12, 19, 26.

b) Tháng 11 có 30 ngày, có 5 ngày chủ nhật, có 4 ngày thứ 5

c) Tháng 12 có 31 ngày, có 4 ngày chủ nhật và 4 ngày thứ bảy. Em được nghỉ các ngày thứ 7 và chủ nhật tức là được nghỉ 8 ngày.

- BT 3/91: Hướng dẫn HS làm:

a) Ngày 01/10 là thứ tư.

Ngày 10/10 là thứ sáu.

b) Ngày 20 tháng 11 là thứ năm.

Ngày 29 tháng 11 là thứ bảy.

c) Ngày 25 tháng 12 là thứ năm.

Ngày 31 tháng 12 là thứ tư.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/91.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng (1 HS).

Bảng con.
Bảng lớp (HS yếu làm).
3 nhóm.

Làm vở.
Làm bảng.
Nhận xét.
Tự chấm vở.

2 nhóm.

TẬP LÀM VĂN. Tiết: 17

NGẠC NHIÊN - THÍCH THÚ - LẬP THỜI GIAN BIỂU

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết cách thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú. Biết lập thời gian biểu.

- HS yếu: biết cách thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Gọi 3 HS đọc lại thời gian biểu của mình.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

Cá nhân.

1- Giới thiệu bài: Bài TLV hôm nay sẽ hướng dẫn các em cách thể hiện sự ngạc nhiên, thích thú và biết lập thời gian biểu → Ghi.

2- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/37: Gọi HS đọc yêu cầu, đọc diễn cảm lời của bạn nhỏ trong tranh.

Hướng dẫn HS làm:

Ôi! Vỗ ốc biển to và đẹp quá! Con cảm ơn bố.

- BT 2/73: Hướng dẫn HS làm.

Gọi HS đọc bài làm của mình.

6h30- 7h: Ngủ dậy, tập thể dục, đánh răng, rửa mặt.

7h- 7h15: Ăn sáng.

7h15- 7h30: Mặc quần áo.

7h30: Tới trường dự lễ sơ kết.

10h: Về nhà, ang thăm ông bà.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dẫn dò.

- Gọi HS đọc lại thời gian biểu của Hà.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Cá nhân.

Miệng (Gọi 2- 3 HS yêu tập nói).

Làm vở.

Cá nhân.

Nhận xét.

THỂ DỤC. Tiết: 34


TRÒ CHƠI: “VÒNG TRÒN” VÀ “BỎ KHĂN”

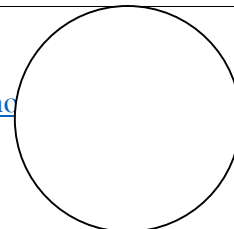
A- Mục tiêu:


- Ôn 2 trò chơi “Vòng tròn” và “Bỏ khăn”. Yêu cầu chơi tương đối chủ động.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, khăn, kẻ 3 vòng tròn đồng tâm.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p>I- Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Xoay các khớp cổ tay, khớp chân,... - Chạy nhẹ nhàng trên địa hình tự nhiên. - Đi thường theo vòng tròn và hít thở sâu. - Ôn các động tác: tay, chân, toàn thân và nhảy. 	7 phút	<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 
<p>II- Phần cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn trò chơi “Vòng tròn”. 	20 phút	



<ul style="list-style-type: none"> - GV nhắc lại cách chơi, cho HS điểm số theo chu kỳ 1- 2. Sau đó cho HS chơi có kết hợp vận động. - Ôn trò chơi “Bỏ khăn”. - GV nhắc lại cách chơi, chia HS trong lớp thành 2 tổ và phân địa điểm, chỉ định cán sự điều khiển 		
<p>III- Phần kết thúc:</p>	<p>8 phút</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Tập một số động tác hồi tỉnh. - Cuối người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDDT – Nhận xét. 		<p style="text-align: center;"> X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X  </p>

SINH HOẠT LỚP TUẦN 17:

A- Mục tiêu:

1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 16:

a)- Ưu:

- 100% HS đi học đều, đúng giờ.
- Học tập có tiến bộ ở một số em.
- Duy trì được phong trào “Rèn chữ viết”, “Đôi bạn cùng tiến”.
- Tác phong nhanh nhẹn.
- Học tập có tiến bộ.

b)- Khuyết:

- Còn 1 vài em leo trèo lên bàn, ghế; chưa biết vâng lời (Tuấn,...)
- Thẻ đục giữa giờ chưa đều (Quyên, Trinh,...).
- Thường xuyên bỏ quên đồ dùng học tập ở nhà (Tuấn, Hiếu, Duy,...).
- Nộp các khoản tiền còn chậm.

2- Mục tiêu:

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 09/01.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

B- Nội dung:

1- Hoạt động trong lớp:

- Ngày 09/01/1950: ngày truyền thống học sinh – sinh viên.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.
- GV hát mẫu → hát từng câu.
- Hát cả bài.

2- Hoạt động ngoài trời:

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.
- Chơi trò chơi: Mèo đuổi chuột, bỏ khăn và bịt mắt bắt dê.

C- Phương hướng tuần 18:

- Tập trung ôn tập chuẩn bị thi HKI.
- Tiếp tục phong trào “Rèn chữ”, “Nuôi heo đất” và “Đôi bạn cùng tiến” cho HS.
- Tiếp tục thu các khoản tiền.

hoc360.net

TUẦN 18:

Thứ hai ngày 31 tháng 12 năm 20...

TẬP ĐỌC. Tiết: 52

ÔN TẬP KIỂM TRA TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG (T 1)

ĐỌC THÊM: THƯƠNG ÔNG

A- Mục đích yêu cầu:

- Kiểm tra lấy điểm tập đọc: HS đọc thông các bài tập đọc đã học ở HKI.
- Trả lời được 1- 2 câu hỏi về nội dung bài đọc.
- Ôn luyện về từ chỉ sự vật. Ôn luyện, củng cố cách viết tự thuật.

B- Đồ dùng dạy học: Các thăm ghi tên các bài tập đọc đã học.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: “Gà “tỉ tê” với gà”.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Trong tuần 18 cô sẽ ôn tập cho các em để chuẩn bị thi CKI và kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng → Ghi.

2- Ôn luyện tập đọc và học thuộc lòng:

- Gọi HS lên bốc thăm.
- Theo dõi sửa sai.
- Nhận xét- Ghi điểm.

3- Hướng dẫn HS đọc thêm: “Thương ông”.

- GV đọc mẫu.
- HS luyện đọc nhóm.
- Gọi HS đọc từng khổ thơ.
- Cho HS đọc cả bài.

4- Tìm từ chỉ sự vật trong câu đã cho:

- BT 1/74: Yêu cầu HS gạch dưới các từ chỉ sự vật.
- Dưới ô cửa máy bay hiện ra nhà cửa, ruộng đồng, làng xóm, núi non.

5- Viết bảng tự thuật theo mẫu:

- BT 2/74: Gọi HS đọc yêu cầu bài.
- Hướng dẫn HS viết vở.
- Gọi HS đọc bảng tự thuật của mình.
- Nhận xét.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

Đọc và trả lời câu hỏi.

Đọc và trả lời câu hỏi (7- 8 HS).

1 HS đọc lại.
Nhóm đôi.
3 HS.
Cá nhân, đồng thanh.

Bảng, nhận xét.

Cá nhân.
Làm vở.
Cá nhân.

- Về nhà ôn lại bài- Nhận xét.

TẬP ĐỌC. Tiết: 53
ÔN TẬP KIỂM TRA TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG (T 2)
ĐỌC THÊM: ĐI CHỢ

A- Mục đích yêu cầu:

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc. Ôn luyện về cách tự giới thiệu.
- Ôn luyện về dấu chấm.

B- Đồ dùng dạy học: Phiếu ghi tên các bài tập đọc đã học.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Gọi HS đọc bản tự thuật của mình.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục ôn tập và kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng. Đọc thêm: “Đi chợ” → Ghi.

2- Kiểm tra tập đọc:

- GV yêu cầu HS bốc thăm các bài tập đọc.
- Gọi HS đọc và trả lời câu hỏi (7- 8 em).

Nhận xét- Ghi điểm.

3- Hướng dẫn HS đọc thêm:

- GV đọc mẫu.
- GV chia đoạn.
- Yêu cầu HS đọc đoạn trong nhóm.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Nhận xét – Tuyên dương.
- Đọc cả bài.

4- Ôn tập:

- BT 1/75: Yêu cầu HS đọc đề.

Hướng dẫn HS làm:

- a) Thưa bác, cháu là Mai học cùng lớp bạn Hằng, bác cho cháu hỏi Hằng có ở nhà không ạ!
- b) Thưa bác, cháu là Nhân, con bố Lâm, bố cháu bảo cháu sang mượn bác cái kim ạ!
- c) Thưa cô, em là Loan, HS lớp 2A. Cô Hạnh xin cô cho lớp em mượn lọ hoa ạ!

HS đọc.
Nhận xét.

HS rút thăm.
Đọc và trả lời câu hỏi.
1 HS đọc lại.
3 HS đọc.
Đọc nhóm đôi.
ĐD nhóm.
Nhận xét.
Cá nhân.
Đồng thanh.

Cá nhân.
3 nhóm.
ĐD làm.

- BT 2/75: Gọi HS đọc đề.
Hướng dẫn HS làm:
...bố. Đó...xinh. Cặp...đeo. Hôm...mới. Huệ...lòng.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dẫn dò.
- Gọi HS tự giới thiệu về mình cho cả lớp nghe.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Cá nhân.
Vở, làm bảng.
Nhận xét, đổi vở
chấm.

Cá nhân.

TOÁN. Tiết: 86 ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

A- Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố về quy trình giải toán có lời văn.
- Cách trình bày bài giải có lời văn.
- HS yếu: củng cố về quy trình giải toán có lời văn.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm: BT 4/91.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Ôn tập:

- BT 1/92: Hướng dẫn HS đọc đề và giải.
Buổi sáng bán được bao nhiêu lít dầu? Buổi chiều bán nhiều hơn buổi sáng bao nhiêu lít dầu?

Tóm tắt:

- Sáng: 48 lít.
- Chiều: nhiều hơn 9 lít.
- Chiều: ? lít

Giải:

Số lít dầu buổi chiều bán là:
 $48 + 9 = 57$ (l)
ĐS: 57 lít.

- BT 2/92: Hướng dẫn HS tóm tắt và giải.

Bình cân nặng bao nhiêu kg? An nhẹ hơn Bình bao nhiêu kg?

Tóm tắt:

- Bình: 30 kg.
- An: nhẹ hơn 4 kg.
- An: ? kg

Giải:

Số kg An cân nặng là:
 $30 - 4 = 26$ (kg)
ĐS: 26 kg.

- BT 3/92: Hướng dẫn HS viết tiếp câu hỏi.

Hỏi cả 2 bạn hái được bao nhiêu quả cam?

Tóm tắt:

- Mỹ: 24 quả.
- Hoa: 28 quả. } ? quả

Giải:

Số quả cam 2 bạn hái là:
 $24 + 18 = 42$ (quả)

Miệng (1 HS).

Cá nhân.
Gọi HS yếu trả lời.
4 nhóm.
ĐD làm.
Nhận xét.
Bổ sung.

Gọi HS yếu trả lời.
Nháp.

Làm vở.
Làm bảng.
Nhận xét.
Tự chấm.

ĐS: 42 quả.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Nêu các bước giải bài toán có lời văn?
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS nêu.

hoc360.net

Thứ ba ngày 01 tháng 01 năm 2008.

TOÁN. Tiết: 87
LUYỆN TẬP CHUNG

A- Mục tiêu:

- Củng cố về cộng trừ nhẩm và viết. Giải bài toán và vẽ hình.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm: BT 2/92.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Luyện tập chung:

- BT 1/93: Hướng dẫn HS nhẩm.

$$16 - 8 = 8$$

$$14 - 7 = 7$$

$$18 - 9 = 9$$

$$9 + 8 = 17$$

$$7 + 6 = 13$$

$$5 + 7 = 12$$

- BT 2/93: Hướng dẫn HS đặt tính rồi tính.

$$37$$

$$71$$

$$46$$

$$93$$

$$48$$

$$25$$

$$47$$

$$87$$

$$85$$

$$46$$

$$93$$

$$6$$

- BT 4/93: Hướng dẫn HS tóm tắt và giải.

Bao to nặng bao nhiêu kg? Bao bé nhẹ hơn bao to bao nhiêu kg?

Tóm tắt:

- Bao to: 45 kg.

- Bao bé: nhẹ hơn 18 kg.

- Bao bé: ? kg.

Giải:

Số ki-lô-gam bao bé nặng

là:

$$45 - 18 = 27 \text{ (kg)}$$

ĐS: 27 kg.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 5/93.

- Giao BTVN: BT 3/93.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng (1 HS).

Miệng.

Bảng con 2 p.tính

Làm vở, làm
bảng (HS yếu).

Nhận xét.

Đổi vở chấm.

Gọi HS yếu trả
lời.

Giải vở.

Giải bảng.

Nhận xét.

Tự chấm vở.

2 nhóm.

CHÍNH TẢ. Tiết: 35

ÔN TẬP, KIỂM TRA TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG
ĐỌC THÊM: ĐIỆN THOẠI

A- Mục đích yêu cầu:

- Tiếp tục lấy điểm tập đọc qua kiểm tra. Ôn luyện kỹ năng sử dụng mục lục sách. Rèn luyện kỹ năng viết chính tả.

B- Đồ dùng dạy học: Phiếu viết tên các bài tập đọc.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Em hãy tự giới thiệu về em với mẹ của bạn em khi em tới chơi nhà bạn lần đầu.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

2- Kiểm tra tập đọc:

Gọi HS lên bốc trúng phiếu bài nào thì đọc một đoạn bài đó và trả lời câu hỏi.

Nhận xét- Ghi điểm.

3- Hướng dẫn đọc thêm:

- GV đọc mẫu.
- GV chia đoạn.
- Yêu cầu HS đọc đoạn trong nhóm.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Nhận xét – Tuyên dương.
- Đọc cả bài.

4- Ôn tập:

- BT/76: Hướng dẫn HS dò mục lục sách.
- Người thầy cũ: tuần 7 (Chủ điểm thầy cô) trang 56.
- Câu chuyện bó đũa: tuần 14 (Chủ điểm Anh em) trang 112.
- Chính tả (NV) bài: Có chí thì nên.

Viết đoạn: SGK/148.

GV đọc mẫu đoạn viết.

Bài chính tả có mấy câu?

Những chữ nào viết hoa?

GV đọc từng câu cho HS viết.

Hướng dẫn HS đổi vở dò.

Chấm bài: 5- 7 bài.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Gọi HS đọc một bài học thuộc lòng đã ôn.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

HS tự giới thiệu.

Cá nhân 7-8 (HS)

1 HS đọc lại.
3 HS đọc.
Đọc nhóm đôi.
ĐD nhóm.
Nhận xét.
Đồng thanh.

Làm vở.
Làm bảng.
Nhận xét.
Đổi vở chấm.

2 HS đọc lại.
4 câu.
Đầu dòng và sau dấu chấm.
Viết vở (HS yếu tập chép).
Nhóm (2 bạn).

Cá nhân.

KỂ CHUYỆN. Tiết: 18
ÔN TẬP, KIỂM TRA TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG

ĐỌC THÊM: HÁ MIỆNG CHỜ SUNG

A- Mục đích yêu cầu:

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc.
- Ôn tập về từ chỉ hoạt động và về các dấu câu.
- Ôn tập về cách nói lời an ủi và cách hỏi để người khác tự giới thiệu về mình.

B- Đồ dùng dạy học: Phiếu ghi tên các bài tập đọc.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS tra mục lục sách một bài bất kỳ và nói tên bài, tuần, chủ điểm, trang? Nhận xét- Ghi điểm.

Cá nhân (2 HS).

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài học → Ghi.

2- Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng:

- Gọi HS lên bốc trúng phiếu nào thì đọc một đoạn và trả lời câu hỏi.

Cá nhân (7- 8 HS).

Nhận xét- Ghi điểm.

3- Hướng dẫn đọc thêm:

- GV đọc mẫu.
- GV chia đoạn.
- Yêu cầu HS đọc đoạn trong nhóm.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Nhận xét – Tuyên dương.
- Đọc cả bài.

1 HS đọc lại.
3 HS đọc.
Đọc nhóm đôi.
ĐD nhóm.
Nhận xét.
Đồng thanh.

4- Ôn tập:

a) BT 1/76: Gọi HS đọc yêu cầu bài, hướng dẫn HS làm: Nằm. lim dim, chạy, kêu, vượn, dang, vỗ, gáy.

Cá nhân.
Nháp.
Đọc bài của mình (HS yếu đọc).
Nhận xét, bổ sung.

b) BT 2/76: Gọi HS đọc yêu cầu.

Dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu chấm than, dấu chấm, dấu ngoặc kép, dấu ba chấm.

Cá nhân.
Làm vở, đọc miệng. Nhận xét.
4 nhóm.

c) BT 3/77: Hướng dẫn HS đóng vai.

Nếu em là chú công an em sẽ an ủi em bé, rồi phải hỏi tên, hỏi địa chỉ của em bé, thì mới có thể đưa em bé về nhà.

ĐD đóng vai.
Nhận xét.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Hướng dẫn HS phải biết nói lời an ủi khi người khác gặp chuyện không may.

Theo dõi.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

THỦ CÔNG. Tiết: 18.
GẤP, CẮT, DÁN BIỂN BÁO GIAO THÔNG CẤM ĐỖ XE (tt)

A- Mục tiêu:

- HS biết gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Gấp, cắt, dán được biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Có ý thức chấp hành luật lệ giao thông.

B- Chuẩn bị:

- Hình mẫu biển báo cấm đỗ xe.
- Quy trình gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Giấy màu, kéo, hồ, thước...

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: kiểm tra sự chuẩn bị của HS

Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết TC hôm nay các em tiếp tục học cách gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe → Ghi.

2- Hướng dẫn HS thực hành gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe:

- Gọi HS nhìn quy trình gấp, cắt, dán biển báo giao thông cấm đỗ xe và nhắc lại:
- Bước 1: Gấp, cắt biển báo giao thông cấm đỗ xe.
- Bước 2: Dán biển báo cấm đỗ xe.
- Tổ chức cho HS thực hành.
- Quan sát giúp đỡ những HS còn lúng túng.
- Tổ chức cho HS trưng bày sản phẩm.
- Đánh giá sản phẩm.

III- Hoạt động 3 (3 phút): Củng cố- Dặn dò.

- GV nêu lại các bước gấp, cắt biển báo giao thông cấm đỗ xe sao cho đẹp.
- Về nhà tập gấp, cắt biển báo giao thông cấm đỗ xe- Nhận xét.

Cá nhân.

4 nhóm.
Thực hành.
Theo nhóm.

2 HS nêu.

Thứ tư ngày 02 tháng 01 năm 2008.

TẬP ĐỌC. Tiết: 54

ÔN TẬP, KIỂM TRA TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG
ĐỌC THÊM: TIẾNG VÕNG KÊU

A- Mục đích yêu cầu:

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc.
- Ôn luyện về từ chỉ hoạt động và đặt câu với từ chỉ hoạt động.
- Ôn luyện cách mời, nhờ, đề nghị.

B- Đồ dùng dạy học: Phiếu viết tên các bài tập đọc.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): Cho HS tìm một số từ chỉ hoạt động.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

2- Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng:

- Gọi HS lên bốc trúng phiếu nào thì đọc một đoạn bài đó và trả lời câu hỏi.

Nhận xét- Ghi điểm.

3- Hướng dẫn đọc thêm: Tiếng võng kêu.

- GV đọc mẫu.
- HS luyện đọc nhóm.
- Gọi HS đọc từng khổ thơ.
- Cho HS đọc cả bài.

4- Tìm từ chỉ hoạt động và đặt câu:

- BT 1/77: Yêu cầu HS quan sát tranh ở SGK.

Gọi HS nêu từng hoạt động trong tranh vẽ?

Vẽ tranh, học bài, cho gà ăn, quét nhà.

- Hướng dẫn HS dùng các từ đó để đặt câu.

Chúng em vẽ hoa và mặt trời.

Em học bài.

Ngày nào em cũng cho gà ăn.

Em quét nhà rất sạch.

5- Ôn luyện kỹ năng nói lời mời, nhờ, đề nghị:

- BT 2/78: Gọi HS đọc tình huống.

Yêu cầu HS nói lời của mình trong từng tình huống.

Gọi HS đọc bài làm của mình.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Phải biết nói lời mời, nhờ, đề nghị phù hợp trong từng tình huống.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Miệng (2 HS).

Cá nhân (7 HS).

1 HS đọc lại.
Nhóm đôi.
3 HS.
Cá nhân, đồng thanh.

Quan sát.
HS nêu (HS yếu).

HS đặt câu.

Làm vở.

Cá nhân. Nhận xét.

TOÁN. Tiết: 88
LUYỆN TẬP CHUNG

A- Mục tiêu:

- Củng cố về cộng trừ có nhớ. Tính giá trị các biểu thức số đơn giản.
- Tìm một thành phần chưa biết của phép tính cộng, trừ.
- Giải bài toán và quy trình giải bài toán có lời văn.
- HS yếu: Biết cộng trừ có nhớ, giải toán.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

71	53	Bảng (3 HS).
25	18	
46	71	

- BT 4/93.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Luyện tập chung:

- BT 1/94: Hướng dẫn HS làm:

48	92	62	100	Làm vở, làm bảng (HS yếu). Nhận xét. Đổi vở chấm.
48	37	38	43	
96	55	100	57	

- BT 2/94: Hướng dẫn HS làm:

$15 - 7 + 8 = 16$	$17 - 9 + 8 = 16$
$6 + 7 - 9 = 4$	$9 + 6 - 7 = 8$
$12 - 5 + 7 = 14$	$14 - 5 + 3 = 12$

- BT 3/94: Hướng dẫn HS làm:

a) Thứ tự điền: 50, 60, 70, 40.

b) Thứ tự điền: 37, 63, 40, 73.

- BT 4/94: Hướng dẫn HS đọc đề, tóm tắt.

Thùng bé có bao nhiêu kg sơn? Thùng to nhiều hơn thùng to bao nhiêu kg sơn?

Tóm tắt:

- Thùng bé: 22 kg.
- Thùng to: nhiều hơn 8 kg.
- Thùng to: ? kg.

Giải:

Số kg sơn thùng to có là:
 $22 + 8 = 30$ (kg)
ĐS: 30 kg.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Giao BTVN: BT 5/94.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

TẬP VIẾT. Tiết: 18
ÔN TẬP, KIỂM TRA TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG
ĐỌC THÊM: BÁN CHÓ

A- Mục đích yêu cầu:

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm học thuộc lòng các bài thơ.
- Ôn luyện cách tổ chức câu thành bài.
- Ôn luyện cách viết nhắn tin.

B- Đồ dùng dạy học: Phiếu viết tên các bài học thuộc lòng.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Khi em nhờ bạn khềnh giúp cái ghê em sẽ nói ntn?

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

2- Kiểm tra học thuộc lòng:

- Gọi HS lên bốc trúng phiếu nào thì học thuộc lòng bài đó và trả lời câu hỏi.

Nhận xét- Ghi điểm.

3- Hướng dẫn đọc thêm: Bán chó.

- GV đọc mẫu.
- GV chia đoạn.
- Yêu cầu HS đọc đoạn trong nhóm.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Nhận xét – Tuyên dương.
- Đọc cả bài.

4- Kể chuyện theo tranh rồi đặt tên cho câu chuyện:

- BT 1/79:

- a) Hướng dẫn HS quan sát tranh.
Hướng dẫn HS kể theo nội dung từng tranh.
- b) Hướng dẫn HS đặt tên cho truyện:
Gọi HS đặt tên cho câu chuyện.

5- Viết tin nhắn:

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Hướng dẫn HS làm.
- Nhận xét.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Về nhà tập viết tin nhắn- Nhận xét.

1 HS trả lời.
Nhận xét.

Cá nhân (7 HS).

1 HS đọc lại.
3 HS.
Đọc nhóm đôi.
ĐD nhóm.
Nhận xét.
Đồng thanh.

Quan sát.
HS kể.
Nhận xét.
Qua đường...

Cá nhân.
Làm vở.
Đọc bài.

TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 18
THỰC HÀNH GIỮ GÌN TRƯỜNG HỌC SẠCH, ĐẸP

A- Mục tiêu:

- Nhận biết thế nào là lớp học sạch đẹp.
- Biết tác dụng của việc giữ cho trường lớp sạch, đẹp đối với sức khỏe và học tập.
- Làm một số công việc đơn giản để giữ trường học sạch đẹp như: quét lớp, quét sân, tưới cây và chăm sóc cây.
- Có ý thức giữ gìn trường lớp sạch đẹp và tham gia vào những hoạt động làm cho trường lớp sạch đẹp.

B- Đồ dùng dạy học: Hình vẽ SGK/ 38, 39. Khẩu trang, chổi...

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ:

- Kể tên những hoạt động dễ gây ngã và nguy hiểm cho bản thân?
- Cần phải làm gì để phòng tránh ngã khi ở trường?

Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Trong các tiết TNXH trước, các em đã biết được tác dụng của việc giữ trường, lớp sạch, đẹp. Tiết TNXH hôm nay các em sẽ thực hành... → Ghi.

2- Hoạt động 1: Quan sát theo cặp.

- Bước 1: Các bạn trong từng hình đang làm gì?

Các bạn đã sử dụng những dụng cụ gì?

Việc làm đó có tác dụng gì?

- Bước 2: Làm việc cả lớp.

Gọi HS trả lời những câu hỏi trên. Liên hệ trường mình: Trên sân trường và xung quang trường, xung quanh các phòng học sạch hay bẩn?

Xung quanh trường em có nhiều cây xanh không? Cây có tốt không?

Khu vệ sinh đặt ở đâu? Có sạch không?

Trường học của em có sạch, đẹp chưa?

Theo em làm thế nào để giữ trường học sạch, đẹp?

Em đã làm gì để góp phần giữ trường học sạch, đẹp?

HS trả lời.

Quan sát hình trang 38, 39.
Lao động, vệ sinh sân trường.
Chổi, khẩu trang..
Làm sạch sân trường.

HS trả lời.

*Kết luận: SGK/61.

3- Hoạt động 2: Thực hành làm vệ sinh trường, lớp học.

- Bước 1: Làm vệ sinh theo nhóm.

GV phân công công việc cho mỗi nhóm. Phát dụng cụ cho mỗi nhóm.

- Bước 2: Các nhóm tiến hành thực hiện các công việc được phân công.

+Nhóm 1: Làm vệ sinh cả lớp.

+Nhóm 2: Nhặt rác và quét sân trường.

+Nhóm 3: Tưới cây ở sân trường.

+Nhóm 4: Nhổ cỏ ở bồn hoa.

- Bước 3: Tổ chức các nhóm xem kết quả làm việc của từng nhóm.

Tuyên dương những nhóm làm tốt.

*Kết luận: Trường, lớp sạch đẹp sẽ giúp chúng ta khỏe mạnh và học tập tốt hơn.

III- Hoạt động 3 (3 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Em đã làm gì để giữ sạch trường, lớp?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

4 nhóm.

Thực hành làm vệ sinh.

Nhận xét.

HS trả lời.

Thứ năm ngày 03 tháng 01 năm 2008.

TOÁN. Tiết: 89
LUYỆN TẬP CHUNG

A- Mục tiêu:

- Củng cố về đặt tính và thực hiện phép tính cộng, trừ có nhớ.
- Tính giá trị biểu thức số. Bước đầu nhận biết được tính chất giao hoán của phép cộng. Giải bài toán về ít hơn 1 số đơn vị.
- Ngày trong tuần và ngày trong tháng.
- HS yếu: biết đặt tính và cộng trừ có nhớ. Giải toán và xem lịch.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

48	92	Bảng (3 HS).
48	37	
96	55	

- BT 4/94.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Luyện tập chung:

- BT 1/95: Hướng dẫn HS làm.

78	94	56	74
6	7	19	28
84	87	75	46

Bảng con 2 p.tính
Làm vở, làm
bảng (HS yếu).
Nhận xét.
Tự chấm.

- BT 2/95: Hướng dẫn HS làm:

$14 + 9 + 7 = 30$	$44 + 48 - 38 = 54$
$25 + 25 - 19 = 31$	$63 - 15 + 27 = 75$

Miệng. Nhận xét,
bổ sung.

- BT 3/95: Gọi HS đọc đề.

Bà bao nhiêu tuổi? Bố kém bà bao nhiêu tuổi?

Cá nhân.
Gọi HS yếu trả
lời.

Tóm tắt:

- Bà: 70 tuổi.
- Bố: kém 28 tuổi.
- Bà: ? tuổi.
- BT 5/95: Hướng dẫn HS làm.
Gọi HS đọc bài của mình.

Giải:

Số tuổi của bố là:
 $70 - 28 = 42$ (tuổi)
ĐS: 42 tuổi.

2 nhóm.
ĐD làm. Nhận
xét, bổ sung.
Tuyên dương
nhóm thắng.
Làm vở.
Cá nhân, nhận
xét. Tự chấm.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Giao BTVN: BT 4/95.
- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 18
ÔN TẬP, KIỂM TRA TẬP ĐỌC VÀ HỌC THUỘC LÒNG
ĐỌC THÊM: ĐÀN GÀ MỚI NỞ

A- Mục đích yêu cầu:

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm học thuộc lòng các bài thơ.
- Ôn luyện về từ chỉ đặc điểm.
- Ôn luyện cách viết bưu thiếp.

B- Đồ dùng dạy học: Phiếu viết tên các bài học thuộc lòng.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Gọi HS đọc lại BT 2/79.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

2- Kiểm tra học thuộc lòng:

- Gọi HS lên bốc trúng phiếu nào thì học thuộc lòng bài đó và trả lời câu hỏi.

Nhận xét- Ghi điểm.

3- Hướng dẫn đọc thêm: Đàn gà mới nở.

- GV đọc mẫu.
- HS luyện đọc nhóm.
- Gọi HS đọc từng khổ thơ.
- Cho HS đọc cả bài.

4- Ôn từ chỉ đặc điểm của người và vật:

- BT 1/80: Gọi HS đọc yêu cầu.

Hướng dẫn HS làm.

Gạch dưới từ: xanh mát, lạnh giá, sáng trưng, siêng năng, cần cù.

5- Ôn viết bưu thiếp:

- BT 2/80: Gọi HS đọc yêu cầu.

Hướng dẫn HS làm.

VD: 18.11.20..

Kính thưa cô !

Nhân dịp ngày Nhà giáo Việt Nam 20.11, em kính chúc cô luôn mạnh khỏe và hạnh phúc.

Chúng em luôn luôn nhớ cô và mong gặp lại cô.

Cá nhân.
Nhận xét.

Cá nhân (4 HS).

1 HS đọc lại.
Nhóm đôi.
3 HS.
Cá nhân, đồng thanh.

Cá nhân.
Nháp.
Nhận xét.

Làm vở.
Gọi HS làm bảng.
Nhận xét.

HS của cô
Nguyễn Thanh Nga

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Gọi HS đọc lại BT 2
- Về nhà tập viết tin nhắn- Nhận xét.

Cá nhân.

ĐẠO ĐỨC. Tiết: 18
ÔN TẬP VÀ THỰC HÀNH KỸ NĂNG CUỐI KỲ I

A- Mục tiêu:

- Giúp HS củng cố về các bài đã học.
 - Không đồng tình ủng hộ với những việc làm ảnh hưởng xấu đến trường lớp.
- Thực hiện một số công việc cụ thể.

B- Đồ dùng dạy học: Phiếu bài tập.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (30 phút): Ôn tập

a) Chăm chỉ học tập:

Không phải lúc nào cũng học là học tập chăm chỉ mà phải học tập, nghỉ ngơi đúng lúc thì mới đạt được kết quả như mong muốn.

b) Chăm chỉ làm việc nhà:

Khi được giao làm bất cứ công việc nhà nào, em cần phải hoàn thành công việc đó. Trẻ em có bổn phận giúp đỡ gia đình...vừa sức. Là việc làm cần thiết của mỗi HS.

c) Quan tâm giúp đỡ bạn:

Giờ nào việc ấy, việc hôm nay chớ để ngày mai.

d) Học tập, sinh hoạt đúng giờ:

Là bổn phận của mỗi HS...yêu trường, yêu lớp

đ) Giữ gìn trường lớp sạch đẹp:

II- Hoạt động 2 (5 phút):

Củng cố- Dặn dò

- Về nhà ôn lại bài- Nhận xét.

THỂ DỤC. Tiết: 35
TRÒ CHƠI: “VÒNG TRÒN” VÀ “NHANH LÊN BẠN ƠI”


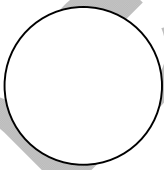

A- Mục tiêu:

- Ôn 2 trò chơi “Vòng tròn” và “Nhanh lên bạn ơi!”. Yêu cầu biết cách chơi và chơi tương đối chủ động.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, 4 cờ nhỏ.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
----------	------------	---------------------

<p>I- Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Chạy nhẹ nhàng trên địa hình tự nhiên. - Đi thường theo vòng tròn và hít thở sâu. - Ôn các động tác: tay, chân, lưng, bụng, toàn thân và nhảy. 	<p>7 phút</p>	<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 
<p>II- Phần cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn trò chơi “Vòng tròn”. - Cho HS chơi giống như tiết 34. - Ôn trò chơi “Nhanh lên bạn ơi!”. - GV nhắc lại cách chơi. +Lần 1: Cho HS chơi thử. +Lần 2: Cho HS chơi chính thức. 	<p>20 phút</p>	
<p>III- Phần kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi đều theo 2- 4 hàng dọc và hát. - Tập một số động tác hồi tĩnh. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét. 	<p>8 phút</p>	<p>X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X X</p> 

Thứ sáu ngày 04 tháng 01 năm 2008.

TOÁN. Tiết: 90

KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI KỲ I

I- Mục đích yêu cầu:

- HS biết cách tính, đặt tính rồi tính.
- Tìm một số chưa biết.
- Biết nhận dạng một số hình.
- Thực hành xem lịch.
- Biết giải bài toán có lời văn.

II- Các hoạt động dạy học:

- 1- GV hướng dẫn, nhắc nhở HS trước khi kiểm tra.
- 2- GV phát đề (đề nhà trường ra).
- 3- Thu bài. Nhận xét lớp.

HS làm bài.
 HS nộp bài.

TẬP LÀM VĂN. Tiết: 18
KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI KỲ I (Đọc hiểu)

A- Mục đích yêu cầu:

- HS đọc thầm và hiểu nội dung đoạn văn.
- HS đánh dấu, trả lời đúng nội dung đoạn văn.
- Cùng cố từ chỉ đặc điểm, mẫu câu: Ai? Thế nào?

B- Các hoạt động dạy học:

- 1- GV hướng dẫn, nhắc nhở HS trước khi kiểm tra.
- 2- GV phát đề (đề nhà trường ra).
- 3- Thu bài. Nhận xét lớp.

HS làm bài.
HS nộp bài.

CHÍNH TẢ. Tiết: 36
KIỂM TRA ĐỊNH KỲ CUỐI KỲ I (Viết)

***Môn: Chính tả.**

A- Mục đích yêu cầu:

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng đoạn văn.
- Viết hoa đúng mẫu chữ quy định.

B- Các hoạt động dạy học:

- 1- GV hướng dẫn, nhắc nhở HS trước khi kiểm tra.
- 2- GV phát đề (đề nhà trường ra).
- 3- Thu bài. Nhận xét lớp.

HS làm bài.
HS nộp bài.

***Môn: Tập làm văn.**

A- Mục đích yêu cầu:

- HS viết được một đoạn văn ngắn từ 3- 5 câu có nội dung theo gợi ý của đề bài. Câu văn dùng từ đúng, không sai ngữ pháp, chữ viết rõ ràng, sạch sẽ, trình bày đẹp.

B- Các hoạt động dạy học:

- 1- GV hướng dẫn, nhắc nhở HS trước khi kiểm tra.
- 2- GV phát đề (đề nhà trường ra).
- 3- Thu bài. Nhận xét lớp.

HS làm bài.
HS nộp bài.

THỂ DỤC. Tiết: 36
SƠ KẾT HỌC KỲ I

A- Mục tiêu:

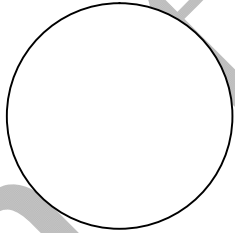

- Hệ thống những nội dung chính đã học trong HKI. HS biết được những điểm nào cần phát huy, những điểm nào cần khắc phục.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
I- Phần mở đầu:	7 phút	X X X X X X X



<ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Đi đều và hát. - Trò chơi: Diệt các con vật có hại. 		<p style="text-align: center;">X X</p>
<p>II- Phần cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ kết HKI. - GV cùng HS điếm lại những kiến thức kỹ năng đã học ở lớp 2. Những nội dung các em đã học tốt, những gì cần phải cố gắng khắc phục trong HKII. Lớp bình chọn những bạn học tốt. - Tuyên dương những HS học tốt. - Trò chơi “Bịt mắt bắt dê”. 	<p>20 phút</p>	
<p>III- Phần kết thúc:</p>	<p>8 phút</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Cuối người thả lỏng, nhảy thả lỏng. - Đứng vỗ tay và hát. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét. 		<p style="text-align: center;">X X</p> 

SINH HOẠT LỚP TUẦN 18

A- Mục tiêu:

1- Đánh giá ưu, khuyết điểm tuần 18:

a)- Ưu:

- Tham gia ôn tập chuẩn bị thi HKI.
- Đi học đều, đúng giờ.
- Học tập có tiến bộ ở một số em.
- Duy trì được phong trào “Rèn chữ viết”, “Đôi bạn cùng tiến”.
- Tác phong nhanh nhẹn.

b)- Khuyết:

- Thẻ đục giữa giờ chưa đều (Quyên, Trinh,..).
- Thường xuyên bỏ quên đồ dùng học tập ở nhà (Tuấn, Hiếu, Duy,...).
- Nộp các khoản tiền còn chậm.

2- Mục tiêu:

- Giúp HS hiểu ý nghĩa ngày 09/01.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.

B- Nội dung:

1- Hoạt động trong lớp:

- Ngày 09/01/1950: ngày truyền thống học sinh – sinh viên.
- Tập bài hát “Ai yêu Bác Hồ kính yêu hơn thiếu niên nhi đồng”.
- GV hát mẫu → hát từng câu.
- Hát cả bài.

2- Hoạt động ngoài trời:

- Đi theo vòng tròn hát tập thể.
- Chơi trò chơi: Mèo đuổi chuột, bỏ khăn và bịt mắt bắt dê.

C- Phương hướng tuần 19:

- Tập trung ôn tập chuẩn bị thi HKI.
- Tiếp tục phong trào “Rèn chữ”, “Nuôi heo đất” và “Đôi bạn cùng tiến” cho HS.
- Tiếp tục thu các khoản tiền.

hoc360.net

TUẦN 19

Thứ hai ngày 14 tháng 01 năm 2008.

TẬP ĐỌC. Tiết: 55 + 56.

CHUYỆN BỐN MÙA

A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trơn cả bài. Biết nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy...
- Biết đọc phân biệt giọng người kể chuyện với giọng các nhân vật: bà Đất, 4 nàng: Xuân, Hạ, Thu, Đông.
- Hiểu nghĩa các từ mới: Đâm chồi nảy lộc, đơm bông, bập bùng, tụ trường.
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: bốn mùa, xuân, hạ, thu, đông, mỗi mùa mỗi vẻ đẹp riêng, đều có ích cho cuộc sống.
- HS yếu: biết đọc trơn cả bài, nghỉ hơi sau các dấu chấm, dấu phẩy.

B- Các hoạt động dạy học: Tiết 1

I- Hoạt động 1 (5 phút): Nhận xét HKI.

II- Hoạt động 2 (70 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Chuyện bốn mùa mở đầu chủ điểm bốn mùa. GV yêu cầu HS quan sát tranh SGK, trả lời câu hỏi: Tranh vẽ những ai? Họ đang làm gì? Muốn biết bà cụ và cô gái là ai, họ đang nói với nhau điều gì? Các em hãy đọc truyện “Chuyện bốn mùa” → Ghi.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu toàn bài.
- Hướng dẫn HS đọc từng câu.
- Hướng dẫn đọc từ khó: vườn buồm, rước, tụ trường, nảy lộc, trái ngọt.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn đến hết.
- Từ mới, giải nghĩa: SGK.
- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn trong nhóm.
- Thi đọc giữa các nhóm.
- Hướng dẫn đọc toàn bài.

Tiết 2:

3- Hướng dẫn tìm hiểu bài:

- + Bốn nàng tiên trong truyện tượng trưng cho những mùa nào trong năm?
- + Em hãy cho biết mùa xuân có gì hay theo lời nàng Đông?
- + Mùa xuân có gì hay theo lời bà Đất?
- + Mùa hạ, mùa thu, mùa đông có gì hay?

HS đọc nối tiếp.
Cá nhân, đồng thanh.
Nối tiếp.

Nối tiếp.
Cá nhân.
Đồng thanh.

Xuân, hạ, thu, đông.
Xuân về vườn cây nào cũng đâm chồi nảy lộc.
Làm cho cây là tốt tươi.
HS trả lời từng mùa.

+Em thích nhất mùa nào? Vì sao?

4- Luyện đọc lại:

- Hướng dẫn HS đọc theo lối phân vai.

III- Hoạt động 3 (5 phút): củng cố - Dặn dò

- Trong năm có những mùa nào?

- Về nhà đọc lại bài và trả lời câu hỏi – Nhận xét.

HS trả lời.

3 nhóm.

TOÁN. Tiết: 91
TỔNG CỦA NHIỀU SỐ

A- Mục tiêu:

- Giúp HS bước đầu nhận biết được về tổng của nhiều số và biết tính tổng của nhiều số. Chuẩn bị học phép nhân.

- HS yếu: bước đầu nhận biết được về tổng của nhiều số và biết tính tổng của nhiều số.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: nhận xét bài kiểm tra.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

2- Giới thiệu tổng của nhiều số và cách tính:

a- GV ghi: $2 + 3 + 4 =$

Đây là tổng của các số 2, 3, 4

$2 + 3 + 4 = ?$

Tổng của 2, 3, 4 = 9

Hướng dẫn đặt cột dọc:

$$\begin{array}{r} 2 \\ + 3 \\ 4 \\ \hline 9 \end{array}$$

- Hướng dẫn cách cộng: $2 + 3 = 5$, $5 + 4 = 9$ viết 9.

b- Giới thiệu cách viết theo cột dọc của tổng: $12 + 34 + 40$ (hướng dẫn như trên).

c- $15 + 46 + 29 + 8$ (tương tự).

3- Thực hành:

- BT 1/3: Hướng dẫn HS làm:

$8 + 2 + 6 = 16$; $8 + 7 + 3 = 18$

$4 + 3 + 7 = 14$; $5 + 5 + 5 + 5 = 20$

- BT 2/3: Hướng dẫn HS làm:

Bảng 9.

HS đọc lại.

Miệng.

HS yếu làm bảng

Bảng con 2 phép tính.

24	45	12	23	Làm vở.
13	30	12	23	Làm bảng.
31	8	12	23	Nhận xét, bổ sung.
<hr/>	<hr/>	12	23	Đổi vở chấm.
68	83	<hr/>	<hr/>	
		48	92	

- BT 3/3: Hướng dẫn HS làm.

a- $5 \text{ kg} + 5 \text{ kg} + 5 \text{ kg} + 5 \text{ kg} = 20 \text{ kg}$.

b- $3 \text{ kg} + 3 \text{ kg} + 3 \text{ kg} + 3 \text{ kg} = 12 \text{ kg}$.

c- $20 \text{ dm} + 20 \text{ dm} + 20 \text{ dm} = 60 \text{ dm}$.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò

- Trò chơi: BT 4/3.

- Về nhà xem lại bài – Nhận xét.

3 nhóm.

Đại diện làm.

Nhận xét.

Làm vở- 2 nhóm.

Thứ ba ngày 15 tháng 01 năm 2008

TOÁN. Tiết: 92
PHÉP NHÂN

A- Mục tiêu:

- Giúp HS nhận biết phép nhân trong mối quan hệ với một tổng các số hạng bằng nhau.

- Biết đọc, viết và cách tính kết quả của phép nhân.

- HS yêu: nhận biết phép nhân. Biết đọc, viết và cách tính kết quả của phép nhân.

B- Đồ dùng dạy học: Các tấm bìa có 2 chấm tròn.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: cho HS tính:

20	12
7	11
13	25
<hr/>	<hr/>
40	48

Bảng lớp 2 HS.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Ghi.

2- Hướng dẫn HS nhận biết phép nhân:

GV đính tấm bìa có 2 chấm tròn.

Tấm bìa có mấy chấm tròn?

GV đính 5 tấm bìa: Có 5 tấm bìa, mỗi tấm có 2 chấm tròn.

Hỏi 5 tấm bìa có bao nhiêu chấm tròn?

2 chấm tròn.

Muốn biết có bao nhiêu chấm tròn, ta tính tổng:

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10$$

Tổng trên có bao nhiêu số hạng?

5 số hạng ntn với nhau?

Chuyển thành phép nhân: $2 \times 5 = 10$.

Hướng dẫn HS đọc: $2 \times 5 = 10$.

Dấu x đọc là nhân.

2- Thực hành:

- BT 1/4: Hướng dẫn HS làm.

a- $4 \times 3 = 12$

b- $5 \times 4 = 20$

c- $2 \times 4 = 8$

d- $6 \times 3 = 18$

đ- $7 \times 4 = 28$

e- $10 \times 6 = 60$

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò

- Viết phép nhân: 3 lấy 2 lần = ?

- Giao BTVN: BT 2/4.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

5.
Bằng nhau.

Nhiều HS đọc.
Viết bảng: $2 \times 5 = 10$.

Bảng con. Bảng
lớp (HS yếu).
Nhận xét.

$$3 \times 2 = 6$$

CHÍNH TẢ. Tiết: 37 CHUYỆN BỐN MÙA

A- Mục đích yêu cầu:

- Chép lại chính xác một đoạn trích trong “Chuyện bốn mùa”.

- Biết viết hoa đúng tên riêng. Luyện viết đúng và nhớ cách viết những chữ có âm hoặc dấu thanh dễ lẫn: /n; ?/~.

- HS yếu: Chép lại chính xác một đoạn trích trong “Chuyện bốn mùa”.

B- Đồ dùng dạy học: Chép sẵn đoạn chép, bài tập.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Nhận xét bài kiểm tra.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi

2- Hướng dẫn tập chép:

GV đọc đoạn chép.

Đoạn chép này ghi lời của ai?

Bà Đất nói gì?

Đoạn chép có những tên riêng nào?

Những tên riêng ấy phải viết ntn?

Hướng dẫn HS luyện viết từ khó: tự trường, ấp ủ...

2 HS đọc lại.

Bà Đất.

Khen các nàng tiên.

Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Hoa.

Bảng con.

Hướng dẫn HS chép vào vở.
Theo dõi uốn nắn.
Hướng dẫn HS chấm lỗi.
Chấm bài: 5- 7 bài.

3- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/1:

a- Hướng dẫn HS làm:

...lưỡi...

...lá lúa...

...năm... năm

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 2/1 (câu b).

- Về nhà luyện viết thêm- Nhận xét.

Nhìn bảng chép.

Đổi chéo vở.

Bảng con.

2 nhóm.

Đại diện làm.

Nhận xét.

KỂ CHUYỆN. Tiết: 19
CHUYỆN BÓN MÙA

A- Mục đích yêu cầu:

- Kể lại được một vài đoạn câu chuyện đã học. Biết phối hợp lời kể với điệu bộ, nét mặt; biết thay đổi giọng kể phù hợp với nội dung.

- Có khả năng tập trung theo dõi bạn kể, biết nhận xét đánh giá lời kể của bạn, kể tiếp lời kể của bạn.

- HS yêu: Kể lại được một đoạn câu chuyện (đoạn 1).

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ:

Yêu cầu HS nêu tên các câu chuyện đã học trong HKI mà em thích? Kể tên những nhân vật có trong truyện. Nhận xét.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

2- Hướng dẫn kể chuyện:

a- Hướng dẫn kể lại đoạn 1 theo tranh:

- Hướng dẫn HS quan sát tranh ở SGK.

- Hướng dẫn HS kể đoạn 1.

- Yêu cầu HS kể đoạn 1 theo nhóm.

b- Hướng dẫn HS kể đoạn 2 theo tranh:

- Yêu cầu HS kể đoạn 2 theo nhóm.

- Yêu cầu HS kể nối tiếp 2 đoạn.

HS kể (2 HS).

HS đọc yêu cầu.

Quan sát.

HS kể trước lớp.

HS kể nhóm.

HS kể trước lớp.

HS kể.

2 HS kể. Nhận

- Thi đua kể giữa các nhóm.
- Tuyên dương nhóm thắng.

- III- Hoạt động 3 (5 phút):** Cùng cô- Dẫn dò.
- Biểu dương những HS, nhóm kể chuyện tốt.
 - Về nhà tập kể lại- Nhận xét.

xét.
Đại diện nhóm
kể. Nhận xét. Bổ
sung.

THỦ CÔNG. Tiết: 19 CẮT, GẤP, TRANG TRÍ THIẾP CHÚC MỪNG

A- Mục tiêu:

- HS biết cách cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng.
- Cắt, gấp, trang trí thiệp chúc mừng.
- Hứng thú làm thiệp chúc mừng để sử dụng.
- HS yêu: biết cách cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng.

B- Đồ dùng dạy học:

Một số mẫu thiệp chúc mừng.
Quy trình cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng có hình vẽ minh họa cho từng bước. Giấy trắng.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (3 phút): kiểm tra bài cũ: kiểm tra sự chuẩn bị của HS

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết TC hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng → Ghi.

2- Hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:

- GV giới thiệu hình mẫu.
- Thiếp chúc mừng có hình gì?
- Mặt thiệp có trang trí và ghi chúc mừng ngày gì?

- Em hãy kể những thiệp chúc mừng mà em biết?
- GV đưa nhiều loại ra.
- Thiếp chúc mừng gửi tới người nhận được đặt trong phong bì.

3- Hướng dẫn mẫu:

- Bước 1: Cắt, gấp thiệp chúc mừng.
- Cắt tờ giấy trắng hình chữ nhật có chiều dài 20 ô, chiều rộng 15 ô.
Gấp đôi tờ giấy theo chiều rộng được hình thiệp chúc mừng

Quan sát.
Hình chữ nhật.
Những bông hoa,
ngày NGVN 20-
11.
HS kể.
HS quan sát.

Quan sát.

có kích thước rộng 10 ô, dài 15 ô.

- Bước 2: Trang trí thiệp chúc mừng.

Tùy thuộc vào ý nghĩa của thiệp chúc mừng mà người ta trang trí khác nhau.

Hướng dẫn HS trang trí.

Tổ chức cho HS tập cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cô- Dẫn dò.

- Muốn cắt, gấp được thiệp chúc mừng ta phải cắt hình gì?

- Về nhà tập cắt, gấp và trang trí thiệp chúc mừng- Nhận xét.

Quan sát.

Theo nhóm.

Hình chữ nhật.

Thứ tư ngày 16 tháng 01 năm 2008

TẬP ĐỌC. Tiết: 57

THƯ TRUNG THU

A- Mục đích yêu cầu:

- Đọc trơn cả bài. Đọc đúng nhịp thơ.

- Giọng đọc diễn tả được tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu nhi.

- Nắm được nghĩa từ mới: Trung thu, thi đua, hành...

- Hiểu được nội dung lời thư và lời bài thơ. Cảm nhận được tình yêu thương của Bác Hồ đối với các em. Nhớ lời khuyên của Bác Hồ, yên Bác.

- Học thuộc lòng bài thơ.

- HS yếu: Đọc trơn cả bài. Đọc đúng nhịp thơ.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Chuyện bốn mùa.
Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Khi Bác Hồ còn sống, Bác hết sức quan tâm đến ngày Tết Trung thu của thiếu nhi. Hôm nay các em sẽ đọc Thư Trung thu để hiểu thêm về tình cảm của Bác đối với các em.

2- Luyện đọc:

- GV đọc mẫu.

- Gọi HS đọc từng câu đến hết.

- Luyện đọc từ khó: trả lời, ngoan ngoãn, tuổi nhỏ,...

- Gọi HS đọc từng đoạn đến hết.

- Hướng dẫn ngắt nhịp khi đọc.

→ Từ mới: Trung thu, thi đua, kháng chiến, hòa bình...

- Hướng dẫn HS đọc từng đoạn.

- Thi đọc giữa các nhóm.

HS đọc và trả lời câu hỏi.

Theo dõi.

Nối tiếp.

Nối tiếp.

Giải thích.

Theo nhóm(HS yếu đọc nhiều).

ĐD nhóm đọc.

- Đọc cả bài.

3- Tìm hiểu bài:

- Mỗi Tết Trung thu Bác Hồ nhớ tới ai?
- Những câu thơ nào cho biết Bác Hồ rất yêu thiếu nhi?
- Bác khuyên các em làm những điều gì?

4- Học thuộc lòng bài thơ:

- Hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ (xóa từ).
- Thi học thuộc lòng bài thơ.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Cho HS thi hát “Ai yêu Bác Hồ ...”.
- Về nhà đọc lại bài, học thuộc lòng, trả lời câu hỏi- Nhận xét.

Nhận xét.
Đồng thanh.

Nhi đồng.
Ai yêu nhi đồng
bằng...xinh xinh.
Cố gắng thi đua
học hành...cháu
Bác HCM.

HS đọc nhóm và
đồng thanh.
Cá nhân (3 HS).
Nhận xét.

Hát (cả lớp)

TOÁN. – Tiết: 93. THỪA SỐ - TÍCH

A- Mục tiêu:

- Biết gọi tên thành phần và kết quả của phép nhân.
- Củng cố cách tìm kết quả của phép nhân.
- HS yếu:Biết cách gọi tên và tìm kết quả của phép nhân.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

Chuyển thành phép nhân:

$$\begin{array}{l|l} 5 + 5 + 5 = 15 & 2 + 2 + 2 = 6 \\ 5 \times 3 = 15 & 2 \times 3 = 6 \end{array}$$

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài học → Ghi.

2- Hướng dẫn HS nhận biết tên gọi thành phần và kết quả của phép nhân:

- GV ghi $2 \times 5 = 10$.
- GV nêu: Trong phép tính: $2 \times 5 = 10$ thì 2 và 5 gọi là thừa số, 10 gọi là tích.
- Gọi HS nhắc lại tên gọi từng thành phần của phép tính.

Bảng lớp (2 HS).

HS đọc.

Nhiều HS.

- Lưu ý: $2 \times 5 = 10$; 10 là tích, 2×5 cũng là tích.

3- Thực hành:

- BT 1/5: Hướng dẫn HS làm:

$$2 \times 5$$

$$5 \times 4$$

$$8 \times 3$$

$$4 \times 3$$

$$7 \times 5$$

$$10 \times 2$$

- BT 2/5: Hướng dẫn HS làm:

a- $9 \times 2 = 9 + 9 = 18$; Vậy $9 \times 2 = 18$.

$2 \times 9 = 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 18$; Vậy $2 \times 9 = 18$.

b- $3 \times 5 = 3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 15$; Vậy $3 \times 5 = 15$.

$5 \times 3 = 5 + 5 + 5 = 15$; Vậy $5 \times 3 = 15$.

- BT 3/5: Hướng dẫn HS làm:

$$2 \times 9 = 18$$

$$6 \times 2 = 12$$

$$10 \times 3 = 30$$

$$7 \times 2 = 14$$

$$0 \times 2 = 0$$

III- Hoạt động 3 (5 phút): Cùng cố- Dặn dò.

$6 \times 4 = 24$. Gọi tên các thành phần trong phép tính?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng con 2 ptính.

Làm vở. HS yếu

làm bảng lớp.

Đọc kết quả.

Nhận xét. Tự
chấm.

2 nhóm làm.

ĐD nhóm làm.

Nhận xét. BỔ
sung.

Tuyên dương
nhóm thắng.

Làm vở.

Làm bảng. Nhận
xét. Đổi vở chấm.

HS trả lời.

TẬP VIẾT. Tiết: 19 CHỮ HOA P

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết viết chữ hoa P theo cỡ chữ vừa và nhỏ.

- Biết viết cụm từ ứng dụng theo cỡ nhỏ, viết chữ đúng mẫu, đẹp.

- Viết đúng kiểu chữ, khoảng cách giữa các chữ, đều nét, nổi chữ đúng quy định và viết đẹp.

- HS yếu: Viết chữ hoa P đúng mẫu.

B- Đồ dùng dạy học:

Mẫu chữ viết hoa P.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): Kiểm tra bài cũ: Nhận xét HKI.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Hôm nay cô sẽ hướng dẫn các em viết chữ hoa P → ghi bảng.

2- Hướng dẫn viết chữ hoa:

- GV đính chữ mẫu lên bảng.

Quan sát.

<ul style="list-style-type: none">- Chữ hoa P cao mấy ô li?- Có 2 nét: Nét 1 giống chữ B, nét 2 là nét cong trên có 2 đầu uốn vào trong không đều nhau.- Hướng dẫn cách viết.- GV viết mẫu và nhắc lại cách viết.- Hướng dẫn HS viết.	5 ô li. Quan sát. Quan sát. Bảng con.
<p>3- Hướng dẫn HS viết chữ Phong:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hướng dẫn HS viết các con chữ phải nối liền với nhau và độ cao khác nhau.- GV viết mẫu và hướng dẫn cách viết.- Nhận xét.	Quan sát. Bảng con.
<p>4- Hướng dẫn cách viết cụm từ ứng dụng:</p> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu cụm từ ứng dụng.- Giải nghĩa cụm từ ứng dụng.- Hướng dẫn HS thảo luận về độ cao và khoảng cách giữa các con chữ, cách đặt dấu thanh.- GV viết mẫu.	HS đọc. 4 nhóm. Đại diện trả lời. Nhận xét.
<p>5- Hướng dẫn HS viết vào vở TV: Hướng dẫn HS viết theo thứ tự:</p> <ul style="list-style-type: none">- 1 dòng chữ P cỡ vừa.- 1 dòng chữ P cỡ nhỏ.- 1 dòng chữ Phong cỡ vừa.- 1 dòng chữ Phong cỡ nhỏ.- 1 dòng câu ứng dụng.	HS viết vở.
<p>6- Chấm bài: 5- 7 bài. Nhận xét.</p> <p>III- Hoạt động 3 (5phút): Củng cố- Dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none">- Cho HS viết lại chữ P.- Về nhà luyện viết thêm – Chuẩn bị bài sau - Nhận xét.	Bảng (HS yếu)

TỰ NHIÊN XÃ HỘI. Tiết: 19
ĐƯỜNG GIAO THÔNG

A- Mục tiêu:

- HS biết có 4 loại đường: đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không. Kể tên các phương tiện giao thông đi trên từng loại đường giao thông.
- Nhận biết một số biển báo trên đường bộ và tại khu vực có đường sắt chạy qua.
- Có ý thức chấp hành luật lệ giao thông.

B- Đồ dùng dạy học: Tranh ảnh trong SGK.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (3 phút): kiểm tra bài cũ: Nhận xét HKI.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Tiết TNXH hôm nay các em sẽ được làm quen với loại đường giao thông và nhận biết một số biển báo giao thông → Ghi.

2- Hoạt động 1: Nhận biết các loại đường giao thông:

- Yêu cầu HS quan sát hình SGK.

+ Tranh 1 vẽ gì?

+ Tranh 2 vẽ gì?

+ Tranh 4 vẽ gì?

+ Tranh 5 vẽ gì?

*Kết luận: Trên đây là 4 loại đường giao thông. Đó là đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không.

3- Hoạt động 2: Làm việc với SGK:

- Hướng dẫn HS quan sát hình SGK.

VD: Kể tên các loại xe đi trên đường bộ?

Phương tiện nào đi trên đường sắt?

Máy bay đi trên đường nào?

- Gọi HS trả lời trước lớp.

- Hướng dẫn HS thảo luận.

Ngoài các phương tiện giao thông trong các hình ở SGK, em còn biết những phương tiện giao thông nào khác?

- Kể tên các loại đường giao thông và phương tiện giao thông có ở địa phương em?

*Kết luận: SGK/64.

4- Hoạt động 3: Trò chơi “Biển báo nói gì?”

- Bước 1: Làm việc theo cặp:

Hướng dẫn HS quan sát 6 biển báo giao thông ở SGK.

Yêu cầu HS chỉ và nói tên từng biển báo.

- Bước 2: Gọi HS trả lời trước lớp.

Nhận xét.

*Kết luận: SGK/65.

III- Hoạt động 3 (5 phút): củng cố- Dặn dò.

- Kể tên các loại đường giao thông?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Quan sát.
Đường phố.
Đường sắt.
Biển.
Bầu trời xanh.

Quan sát theo cặp
Trả lời câu hỏi
với bạn.

ĐD trả lời.
Thảo luận nhóm.
ĐD nhóm trình
bày. Nhận xét.
Bổ sung.

Quan sát.

ĐD trả lời.

HS trả lời.

Thứ năm ngày 16 tháng 01 năm 2008.

TOÁN. Tiết: 94.

BẢNG NHÂN 2

A- Mục tiêu:

- Lập bảng nhân 2 và học thuộc lòng bảng nhân này.

- Thực hành nhân 2. Giải bài toán và đếm thêm 2.

- HS yếu: Học thuộc lòng bảng nhân 2 và thực hành nhân 2.

B- Đồ dùng dạy học: Các tấm bìa, mỗi tấm bìa có 2 chấm tròn.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm BT 3/5.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi.

2- Hướng dẫn HS lập bảng nhân 2:

- GV đính các tấm bìa, mỗi tấm có 2 chấm tròn. Lấy 1 tấm gắn lên bảng và nêu: Mỗi tấm bìa có 2 chấm tròn, ta lấy 1 tấm bìa tức là 2 (chấm tròn) được lấy 1 lần, ta viết:

$$2 \times 1 = 2 \text{ (đọc } 2 \times 1 = 2).$$

- GV gắn 2 tấm bìa: như vậy 2 được lấy 2 lần và viết:

$$2 \times 2 = 2 + 2 = 4.$$

Vậy: $2 \times 2 = 4$

$$2 \times 3 \dots \text{ tương tự đến } 2 \times 10$$

- Hướng dẫn HS học thuộc lòng bảng nhân 2.

3- Thực hành:

- BT 1/6: Hướng dẫn HS làm:

$$2 \times 3 = 6$$

$$2 \times 5 = 10$$

$$2 \times 7 = 14$$

$$2 \times 2 = 4$$

$$2 \times 4 = 8$$

$$2 \times 6 = 12$$

- BT 2/6: Hướng dẫn HS làm:

Tóm tắt:

- 1 con: 2 chân.

- 10 con: ? chân

Giải:

Số chân 10 con chim là:

$$2 \times 10 = 20 \text{ (chân)}$$

ĐS: 20 chân

- BT 3/6: Hướng dẫn HS làm:

Giải:

Số chiếc 5 đôi giày là:

$$2 \times 5 = 10 \text{ (chiếc)}$$

ĐS: 10 chiếc.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 4/6.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng lớp (1 HS).

HS đọc lại.

HS đọc lại.

HS đọc toàn bộ.

Cá nhân, đồng thanh.

Miệng.

HS yếu làm.

2 nhóm.

ĐD làm. Nhận xét. Bổ sung.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét. Tự chấm vở.

2 nhóm.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU. Tiết: 19
MỞ RỘNG VỐN TỪ: TỪ NGỮ VỀ CÁC MÙA
ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: KHI NÀO?

A- Mục đích yêu cầu:

- Biết gọi tên các tháng trong năm và các tháng bắt đầu, kết thúc của từng mùa. Xếp được các ý theo lời bà Đất trong “Chuyện bốn mùa” phù hợp với từng mùa trong năm.
- Biết đặt và trả lời câu hỏi có cụm từ “Khi nào?”.
- HS yếu: Biết gọi tên các tháng trong năm và các tháng bắt đầu, kết thúc của từng mùa.

B- Đồ dùng dạy học: Ghi sẵn bài tập.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Nhận xét HKI.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi.

2- Hướng dẫn làm bài tập:

- BT 1/2: Hướng dẫn HS làm:

Mùa hạ: tháng 4, 5, 6.

Mùa thu: tháng 7, 8, 9.

Mùa đông: tháng 10, 11, 12.

- BT 2/2: Hướng dẫn HS làm:

Mùa xuân: làm cho cây lá tươi tốt.

Mùa hạ: cho trái ngọt, hoa thơm.

Mùa thu: nhắc HS nhớ ngày tựu trường. Làm co trời xanh cao.

Mùa đông: Áp ủ mầm sống để xuân về đâm chồi nảy lộc.

- BT 3/3: Hướng dẫn HS làm:

a- HS nghỉ hè vào đầu tháng 6.

b- Cuối tháng 8 HS tựu trường.

c- Mẹ thường khen em khi em chăm học.

d- Ở trường em vui nhất khi được cô khen.

III- Hoạt động 3 (5 phút): củng cố- Dặn dò.

- Mùa hạ gồm những tháng nào?

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

3 nhóm.HS yếu làm bảng. Nhận xét, bổ sung. Tuyên dương HS. Làm miệng, làm vở, làm bảng. Nhận xét. Đòi vở chấm.

Vở, làm bảng. Nhận xét, bổ sung. Tự chấm. GV chấm.

HS trả lời.

CHÍNH TẢ (NV). Tiết: 38
THƯ TRUNG THU

A- Mục đích yêu cầu:

- Nghe, viết đúng, trình bày đúng 12 dòng thơ trong bài “Thư trung thu” theo cách trình bày thơ 5 chữ.

- làm đúng các BT phân biệt những chữ có âm đầu và dấu thanh để viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương: l/n; ?/~.

- HS yêu: Có thể cho tập chép.

B- Đồ dùng dạy học: Viết sẵn BT.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS viết: lười trai, lá lúa, bão táp.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi

2- Hướng dẫn nghe, viết:

- GV đọc đoạn viết.

- Nội dung bài thơ nói điều gì?

- Bài thơ của Bác Hồ có những từ xưng hô nào?

- Những chữ nào trong bài được viết hoa?

- Luyện viết từ khó: ngoan ngoãn, tuổi, tùy, giữ gìn,...

- GV đọc từng dòng thơ cho HS viết.

3- Chấm, chữa bài:

- Hướng dẫn HS dò lỗi.

- Chấm bài: 5- 7 bài.

4- Hướng dẫn làm BT:

- BT 1b/4: Hướng dẫn HS làm:

b- Cái tủ, khúc gỗ, cửa sổ, con muỗi.

- BT 2a/4: Hướng dẫn HS làm:

a- Lặng lẽ, nặng nề, lo lắng, đói no

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Cho HS viết lại: ngoan ngoãn.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng con. Bảng lớp (3 HS).

2 HS đọc lại.

Bác Hồ rất yêu thiếu nhi...

Bác, các cháu.

Đầu dòng thơ,

Bác, HCM, danh từ riêng.

Bảng con.

Viết vở(HS yêu tập chép).

Đổi vở dò lỗi.

2 nhóm đại diện làm. Nhận xét.

Làm vở, làm bảng. Nhận xét, đổi vở chấm.

Bảng.

ĐẠO ĐỨC. Tiết: 19 TRẢ LẠI CỦA RƠI

A- Mục tiêu:

- Nhật được của rơi cần trả lại cho người mất.
- Trả lại của rơi sẽ là người thật thà, được mọi người quý trọng.
- Có thái độ quý trọng những người thật thà, không tham của rơi.

B- Tài liệu, phương tiện: Phiếu bài tập. Bài hát “Bà Còng”.

C- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (3 phút) : kiểm tra bài cũ: Nhận xét bài thực hành.

II- Hoạt động 2 (27 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: Nhật được của rơi thì chúng ta phải làm gì? Bài đạo đức hôm nay sẽ cho các em biết điều đó → Ghi.

2- Hoạt động 1: Phân tích tình huống.

- Hướng dẫn HS quan sát tranh và phân tích nội dung tranh.

Hai em cùng đi với nhau trên đường, cả 2 cùng nhìn thấy tờ 20.000 đồng rơi ở dưới đất. Theo em hai bạn nhỏ đó có những cách giải quyết ntn với số tiền nhật được đó?

GV đưa ra một số tình huống:

+Tranh giành nhau.

+Chia đôi.

+Tìm cách trả lại cho người mất.

+Dùng làm việc từ thiện.

+Dùng để tiêu chung.

*Kết luận: Khi nhật được của rơi cần trả lại cho người mất.

Điều đó mang lại niềm vui cho họ và cho chính mình.

3- Hoạt động 2: Bày tỏ thái độ.

Hướng dẫn HS làm trên phiếu BT.

Đánh dấu + vào ô vuông những ý em cho là đúng.

- | | |
|--------------------------|--|
| <input type="checkbox"/> | Trả lại của rơi là người thật thà, đáng quý trọng. |
| <input type="checkbox"/> | Trả lại của rơi là ngốc. |
| <input type="checkbox"/> | Trả lại của rơi là đem lại niềm vui cho họ và cho chính mình. |
| <input type="checkbox"/> | Chỉ trả lại của rơi khi có người biết. |
| <input type="checkbox"/> | Chỉ trả lại khi nhật được số tiền lớn hoặc những vật đắt tiền. |

- GV đọc lần lượt từng ý.

*Kết luận: các ý 1, 3 là đúng.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Gọi HS hát bài “Bà Còng”.

Bạn Tôm, bạn Tép trong bài hát có ngoan ngoãn không? Vì sao?

- Hướng dẫn HS trả lại của rơi khi nhật được.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Quan sát.
Nêu lại nội dung.
Nhiều HS thảo luận lựa chọn giải pháp củ anhóm mình.
ĐD báo cáo.
Nhận xét.

Cá nhân.

HS giơ tay để bày tỏ ý kiến và giải thích.

Cá nhân.
Ngoan. Nhật của rơi trả lại cho người mất.


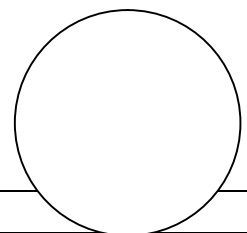

THỂ DỤC. Tiết: 37
TRÒ CHƠI: “BỊT MẮT BẮT DÊ” VÀ “NHANH LÊN BẠN ƠI”

A- Mục tiêu:

- Ôn 2 trò chơi “Bịt mắt bắt dê” và “Nhanh lên bạn ơi!”. Yêu cầu biết cách chơi và chơi tương đối chủ động.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, khăn, 4 cờ nhỏ.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
<p>I- Phần mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận lớp, phổ biến nội dung, yêu cầu bài học. - Đứng vỗ tay hát. - Xoay các khớp tay, chân. - Ôn các động tác: tay, chân, lưng, bụng, toàn thân và nhảy. 	7 phút	<pre> X </pre> 
<p>II- Phần cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi “Bịt mắt bắt dê”. - Nhắc lại cách chơi. - Trò chơi “Nhanh lên bạn ơi!”. - GV nhắc lại cách chơi. 	20 phút	
<p>III- Phần kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đứng vỗ tay và hát. - Cuối người thả lỏng. - Nhảy thả lỏng. - GV cùng HS hệ thống lại bài. - Về nhà thường xuyên tập luyện TDTT – Nhận xét. 	8 phút	<pre> X </pre> 

Thứ sáu ngày 18 tháng 01 năm 2008.

TOÁN. Tiết: 95
LUYỆN TẬP

A- Mục tiêu:

- Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 2 qua thực hành tính.

- Giải bài toán đơn về nhân hai.
- HS yếu: Củng cố việc ghi nhớ bảng nhân 2 qua thực hành tính.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Cho HS làm:

$$2 \times 4 = 8$$

$$2 \times 9 = 18$$

BT 2/6.

Nhận xét- Ghi điểm.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục tiêu bài → Ghi

2- Luyện tập:

- BT 1/7: Hướng dẫn HS làm:

$$2 \text{ cm} \times 4 = 8 \text{ cm}$$

$$2 \text{ cm} \times 9 = 18 \text{ cm}$$

$$2 \text{ kg} \times 2 = 4 \text{ kg}$$

$$2 \text{ kg} \times 7 = 14 \text{ kg}$$

- BT 2/7: Hướng dẫn HS làm:

$$2 \xrightarrow{x 4} 8 ; 2 \xrightarrow{x 3} 6$$

$$2 \xrightarrow{x 3} 6 \xrightarrow{+ 4} 10$$

- BT 3/7: Hướng dẫn HS làm:

Giải:

Số chiếc 6 đôi đũa có là:

$$2 \times 6 = 12 \text{ (chiếc)}$$

ĐS: 12 chiếc.

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: BT 5/7.

- $2 \times 8 = 16$. Gọi tên các thành phần trong phép tính.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Bảng lớp (2 HS).

Bảng con 2 ptính.

Làm vở, làm
bảng(HS yếu).

Nhận xét.

Tự chấm vở.

Đại diện làm.

Nhận xét.

Làm vở, làm
bảng. Nhận xét.

Đổi vở chấm.

2 nhóm.

HS trả lời.

TẬP LÀM VĂN. Tiết: 19
ĐÁP LỜI CHÀO. LỜI TỰ GIỚI THIỆU

A- Mục đích yêu cầu:

- Nghe và biết đáp lại lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp với tình huống giao tiếp. Điền đúng các lớp đáp vào chỗ trống trong đoạn đối thoại có nội dung chào hỏi và tự giới thiệu.

- HS yếu: Nghe và biết đáp lại lời chào, lời tự giới thiệu phù hợp với tình huống giao tiếp.

B- Các hoạt động dạy học:

I- Hoạt động 1 (5 phút): kiểm tra bài cũ: Nhận xét HKI.

II- Hoạt động 2 (30 phút): Bài mới.

1- Giới thiệu bài: GV nêu mục đích yêu cầu bài → Ghi

2- Hướng dẫn làm BT:

- BT 1/5: Hướng dẫn HS làm.

Gọi HS đọc lời chào của chị phụ trách.

Cho HS từng nhóm thực hành đối đáp trước lớp theo 2 tranh

VD: Chị phụ trách: Chào các em

Các bạn nhỏ: Chào chị ạ.

Chị phụ trách: Chị tên là Hương. Chị được cử phụ trách Sao của các em.

Các bạn nhỏ: Ôi thích quá! Chúng em mời chị vào lớp.

- BT 2/5: Hướng dẫn HS làm.

a- Cháu chào chú. Bố mẹ có khách ạ.

b- Bố mẹ cháu lên thăm ông bà nội. Chú có nhắn lại gì không ạ?

- BT 3/6: Hướng dẫn HS làm.

Cháu chào cô ạ! Thưa cô cô hỏi ai ạ?

Dạ đúng ạ! Cháu là Nam đây.

Thế ạ! Cháu mời cô vào nhà.

A! Cô lạ mẹ bạn Sơn ạ? Thưa cô có việc gì bảo cháu ạ?

III- Hoạt động 3 (5 phút): Củng cố- Dặn dò.

- Trò chơi: HS tự giới thiệu về mình.

- Về nhà xem lại bài- Nhận xét.

Miệng- nhóm.
Nhận xét.

2 nhóm.
Đại diện làm.
Nhận xét.

Làm vở. Đọc bài
làm. Nhận xét.ed

Theo cặp. Nhận
xét.

THỂ DỤC. Tiết: 38

TRÒ CHƠI: “BỊT MẮT BẮT DÊ” VÀ “NHÓM BA NHÓM BẢY”

A- Mục tiêu:

- Ôn 2 trò chơi “Bịt mắt bắt dê” và “Nhóm ba nhóm bảy”. Yêu cầu biết cách chơi và chơi tương đối chủ động.

B- Địa điểm, phương tiện: Sân trường, còi, khăn.

C- Nội dung và phương pháp lên lớp:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp tổ chức
I- Phần mở đầu:	7 phút	X X X X X X X

